

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 8

CHƯƠNG II - PHẦN 4: GIẢI NGHĨA

(Trong phần bốn của chương II, chánh truyện có mười bốn vị, phụ có hai vị)

1/-Truyện Sa môn Thích Tăng Phạm trụ chùa Đại Giác ở Nghiệp Đông, thời Bắc Tề

2/-Truyện ngài Thích Đàm Tuân ở Nghiệp Trung thời Bắc Tề

3/-Truyện ngài Thích Tuệ Thuận trụ chùa Tổng Trì ở Nghiệp Hạ, thời Bắc Tề

4/-Truyện ngài Thích Bảo Phùng trụ chùa Bảo Sơn ở Nghiệp Tây, thời Bắc Tề

5/-Truyện Tăng thống Thích Linh Tuân ở Tinh Châu, thời Bắc Tề

6/-Truyện Đại Thống Thích Pháp Thượng ở chùa Hợp thủy, thời Bắc Tề (Pháp Tôn)

7/-Truyện ngài Thích Đạo Thận trụ chùa Định Quốc ở Nghiệp Hạ, thời Bắc Tề

8/-Truyện ngài Thích Tăng Diệu trụ chùa Nhân thọ, ở Phố Châu, thời Bắc Chu

9/-Truyện ngài Thích Tuệ Thiện trụ chùa Sùng Hoa ở Trường An, thời Bắc Chu.

10/-Truyện ngài Thích Bảo Thoán trụ chùa Quang Hưng ở Đồng Châu, thời Bắc Chu.

11/-Truyện ngài Thích Đàm Diễn ở Lạc Châu, thời Bắc Tề

12/-Truyện ngài Thích Tuệ Vinh trụ chùa Trang Nghiêm ở Dương Đô, đời Trần

13/-Truyện ngài Thích Đàm Diên trụ chùa Diên Hưng ở Kinh Sư, đời Tùy

14/-Truyện ngài Thích Tuệ Viễn trụ chùa Tịnh Ảnh ở Kinh Sư đời Tùy (Tăng Mạnh).

1/-Truyện ngài Thích Tăng Phạm trụ chùa Đại Giác, ở Nghiệp Đông.

Thích Tăng Phạm, họ Lý, người ở xứ Bình Hương. Thưở nhỏ, Sư tìm đọc học các sách. Năm hai mươi ba tuổi, Sư đã gần thông số lược. Đến như Thất diệu, cửu chương, chú thuật của Thiên-trúc, dò hỏi không cần phải tỏ ngộ lại. Đồng bạn có muôn ngàn chỉ tay mở má khoe khoang Sư đều bẻ sừng, nên người đương thời nói là “Tương Châu có Lý Hồng Phạm mở suốt nghĩa sâu, Nghiệp Hạ có Trương Tân vừa mới sinh mà lãnh ngộ không sai sót. Lời nói ấy thật có ý chỉ. lại thêm vì tuổi trẻ sắc đẹp đều không tâm sánh đôi. Sư nghĩ nường tựa pháp môn thiêu đốt ngón tay mà tu cúng dường.

Năm hai mươi chín tuổi, Sư đến dừng ở tại ấp Trì Hạ, nghe giảng Kinh Niết-bàn, ngay một lần nghe mà khai ngộ thần phủ. Nghĩa lý tư tưởng đều thông, Sư mới biết Bí cực của Kinh Phật. Và Sư bèn đến chỗ Sa-môn Tăng Thủ ở Nghiệp Thành xin xuất gia. Ban đầu, Sư học Kinh Niết-bàn, chóng hết sự cùng cực. Sư lại gá tâm nơi núi rừng vắng tĩnh tình vọng nổi trôi. Sau đó, Sư lại đến Lạc Hạ theo Hiến Công, nghe giảng các Kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Các bậc tông tượng, trước tu mọi đúng sai đều tỏ bày. Sau, Sư lại dời vết tích đến chỗ Quang Sư mà học đạo. Đắm mê vị, lo Tông chỉ, tuổi tác đổi thay. Đã cùng tận tướng nôm, chỉ học chẳng tạp. Sư mới đi Vân du khai hóa làm lợi an ủi Tề Ngụy. Mỗi Pháp Diên dựng lập, thính chúng đông hơn ngàn người. Đến lúc Sư trở lại dừng ở tại nghiệp Đô, có thể gọi Sư là bậc minh tượng của đương thời. Bèn khiến cho Thôi Cận chú Dịch thưa hỏi nơi Sư mà lấy sở trường, Tông Cảnh làm lịch tìm câu nơi Sư mà bỏ đoán. Các bậc Đại nho như Từ Tuân Minh, Lý Bảo Đảnh, v.v.. chỉ một lần thấy mà tin ở lời trước. Sư bèn trao truyền giới Pháp Bồ-tát cho năm chúng quy hướng về Sư rất đông. Ngài giảng các Kinh Hoa Nghiêm, Thập Địa, Địa Trì, Duy ma, Thắng-man mỗi kinh đều có số ký. Sư lại biến kinh sở dẫn thành luận, nên các Kinh Niết-bàn, Đại Phẩm, v.v.. đều gọi là luận, còn một bộ Kinh Địa Trì gọi riêng là Thuật vậy. Nhưng thuộc từ phiên trắng, chẳng sánh với thế tình, cũng là chỗ làm của một nhà. Nên có thể xem xét mà gạt hái. Song, ngôn hạnh nơi Sư cùng giúp, điềm tốt lành thường ứng hiện. Từng có Thứ Sử Giao Châu là Đỗ Bật đến chùa Hiến Nghĩa ở nghiệp đô, thỉnh Sư giảng kinh vào mùa Đông. Sư giảng đến chỗ nói về Lục Địa trong Kinh Hoa Nghiêm. Bỗng nhiên có một con chim nhạn bay xuống, theo phía Đông tháp đi thuận chiều mà vào giảng đường, thẳng đối tòa cao, nép mình dưới đất mà nghe pháp. Đến

lúc giảng xong, chim nhận lại từ từ đi ra, lại thuận theo phía Tây tháp mà bay đi. Lại cũng ở ngay chùa ấy, Sư giảng kinh trong mùa Hạ, cũng có chim Tước bay đến ở phía Tây Nam của tòa nép mình lắng nghe suốt trong chín tuần (ba tháng). Lại nữa, Sư có giảng pháp ở Tế Châu, cũng có một con quạ bay đến nghe, lúc giảng xong thì bay đi. Những cảm ứng tốt lành như thế rất nhiều, nếu chẳng phải do thâm hợp với đạo thì đâu thể được như vậy.

Sư thường giảng Kinh Hoa Nghiêm, có một vị tăng đến hỷ nhục Sư, bảo rằng: “Ấy chỉ là Già-đầu, rốt cuộc phải hiểu thế nào?” ngay đêm đó có vị thần đến đánh vị tăng ấy, chết đi sống lại. Những người nghe thấy như thế vô cùng kính trọng kinh lạ. Sư từng ở lại qua đêm tại một ngôi chùa khác. Trong ý muốn nghe giới. Có vị tăng lên Pháp tòa, sắp muốn dựng nghĩa: bèn nói: “Dựng Luận Pháp tướng rất phù hợp với lời Thánh, đâu nhọc Bồ-tát? Chư tăng thường nghe.” Bỗng nhiên thấy một vị thần thân hình cao hơn trượng, dáng mạo rất mạnh mẽ, đến trước tòa hỏi vị tăng lập nghĩa ấy rằng: “Nay là ngày gì?” Đáp: “Là ngày Bồ-tát”, vị thần liền dùng tay kéo. Vị Tăng ấy xuống tòa, lê lét gần chết. Kế đó Thần lại hỏi vị Thượng tọa và cũng kéo giống như trước. Do vậy mà Sư tự cố gắng, đến cuối cùng mọi việc duyên riêng của Tăng, không hề nói Dục. Cho đến bệnh nặng thì khiêng vào trong tăng. Khi sắp thị tịch, Sư bảo thỉnh tượng vào phòng, tự mình xuống giường, quỳ gối dưới đất, chỉ sám hối điều gặp phải xưa trước mà thôi. Bấy giờ đang lúc đứng ngộ, Sư dặn dò dạy răn và thị tịch tại chùa Đại Giác ở Nghiệp Đông, thọ tám mươi tuổi. Lúc đó là ngày mồng hai tháng ba niên hiệu Thiên Bảo thứ sáu (năm trăm năm mươi lăm) thời Bắc Tề.

Ban đầu, Sư bỏ Nho tìm đến Phật, ngày một kính tín thêm, vắng lặng chuyên tưởng không môn, chẳng duyên việc đời. Miệng không nói lời vô nghĩa, thân tuyệt đối không đến nơi trái Pháp, hề có được các vật dụng gì đều ban cấp cho môn nhân Đệ tử. Ăn mặc có hay không chẳng hề mở miệng nói ra, an nhẫn mọi điều thiện ác, mừng giận chẳng lộ vẻ nơi vẻ mặt, giặt rửa tẩy uế luôn kính vâng giới cấm, trước sau như một. Mà Sư thường lưu ý nơi Kinh Hoa Nghiêm làm nghiệp phước báu lai sinh. Ban đêm, đánh lễ ngàn danh hiệu Phật, trọn một đời Sư thường thực hành như vậy. Đến lúc tuổi tác xế chiều mọi sự đã lớn thịnh, sức khoẻ không cho phép, mà Sư vẫn còn y cứ ngày đêm sáu thời khấu đầu trên gối. Sư tự có năng lượng anh ngộ, ít ai có thể tiếp nối, còn cảm thông linh dị thì mọi việc toàn khó y cứ biết vậy.

2/- Truyện ngài Thích Đàm Tuân ở Nghiệp Trung.

Thích Đàm Tuân, họ Trình, người ở xứ Hà Bắc. Thuở thiếu thời, nhàm chán vòng lưới thế tục, Sư bèn vào chùa Pháp Quang xin xuất gia. Dung mạo Sư rất khôi ngô, Sư sợ nhiễm bản tịnh giới mà hoàn tục. Vốn học của Sư sáng tỏ đáng làm nơi nhờ cậy của người đương thời. Có người họ Ngụy nâng đỡ Sư làm Viên Ngoại lang.

Năm hai mươi ba tuổi, Sư bỏ làm quan ở triều, lại thỉnh Ngài Pháp Quang vì làm Sư Bảo. Ngài Pháp Quang vì việc xưa nên bỏ mặc không độ, Sư bèn quỳ thưa rằng: “Nay con dốc mạng quy y, xa kính sùng chí đạo. Nếu chẳng được chấp thuận thì sẽ theo tà kiến, làm hư hoại Tam Bảo!” Ngài Pháp Quang xét thấy Sư rất mực chí tình, bèn độ cho xuất gia và truyền cho giới Pháp. Nhân đó, Sư theo thọ học, qua hơn một năm công phu miệt mài, với các giáo nghĩa Đại thừa đốn giáo, nguồn tâm Thập giới v.v.. Sư đều phân vạch nghĩa lý, vượt trội các bậc Tông tượng ở đương thời. Tay Sư không cầm Dị bút, mà biến của kẻ khác thành của mình, nên đàm thuật thì có tiếp tục mà chương số thì khuyết thiếu.

Ban đầu, Sư ra hoằng hóa tại Lạc Hạ, rồi dần giảng đến các xứ Tề, Sở, Tần, Ngụy, cho đến Yên Triệu. Sư truyền thông Đạo nghiệp, dẫn nhiếp sửa trị tiếp nối. Thừa Tướng Hoài Âm Vương Quảng rất quý trọng Sư. Đức hạnh Sư cảm động đến các hàng Quý trọng, đều có tâm kính lễ. Năm ngoài bảy mươi tuổi, Sư được suy cử làm Quốc Đô, sau đó lại chuyển làm Thống. Sau một thời gian ngắn, ngài nhận biết trong mình bị bệnh, bèn ngồi trì tụng các Kinh Duy-ma, Thắng-man, vừa xong quyển thì Sư thị tịch tại Nghiệp Hạ, thọ tám mươi lăm tuổi. Các hàng được nương thừa hóa độ, cũng như môn nhân Đệ tử ít người tiếp nối được sau Sư!

Ban đầu, Sư giữ chí thanh cao, dùng Pháp vô vi lập tánh, vén màn mở cửa, nêu dựng phương xa. Thân chẳng vọng can thiệp, miệng không nói chuyện thế tục. Động tĩnh tự trang nghiêm, chẳng nương gá phương tiện, mà kính ái Tôn sư có ít người được như Sư. Ngày ngài Pháp Quang – là thầy của Sư thị tịch, ngài đang ở tại Tề châu, ban đầu mới nghe, ngài buồn mà hỏi, bất chợt từ trên giường té xuống, trong miệng máu tuôn trào. Sư thật hiếu kính, xúc động đến lòng người như thế! Sư thường vân du, niệm tuệ có được cơ duyên, ôn giảng mà trọn nghiệp.

3/- Truyện ngài Thích Tuệ Thuận trụ chùa Tổng Trì ở Nghiệp Hạ.

Thích Tuệ Thuận, họ Thôi, người đất Tề, là con của Thị Trung Thôi Quang. Thửơ thiếu thời, Sư mến Nho Tông, biết hết Nhã Thú. Lúc lớn lên, Sư nhàm chán lưới trần, mà làm người Cư sĩ.

Ban đầu, Sư nghe giảng Kinh Niết-bàn, lược không để sót nghĩa. nhân lúc đang giảng mà Sư ngủ, bỗng nghe có tiếng bảo rằng: “Hiếu đây mới là sáng, ngoài ra vẫn chưa cùng cực!” Tâm Sư bèn đợi nghỉ, dò xét giải quyết bệnh ấy. Nhân tại Đô Hạ có Luật Sư Quang là người hiểu rộng Giáo nghĩa Đại thừa, không vấn gì chẳng hiểu. Sư bèn đến Lạc Dương, đến chỗ Luật sư Quang xin xuất gia. Lúc ấy Sư hai mươi lăm tuổi.

Sư ngụ ở dưới cửa, tập tu địa chỉ, mệt cũng không ăn no. Tuổi tác dần dà, chứng giáo hai đường, gương sáng soi trong tâm, ba trì ba tụ, ảnh hiện ở ngoài thân. Thấy rộng dung hợp, đào huyện có thừa. Sư giảng Kinh Thập Địa, Địa Trì, Hoa Nghiêm, Duy-ma, đều có soạn Ng-hĩa ký.

Năm gần năm mươi tuổi, Sư muốn mở mang Đại Pháp làm lợi ích cho quê nhà, bèn truyền quy giới, không tình nào chẳng thích ý. Hễ nơi nào có Pháp hội Giảng đạo thì thính chúng đều đông hơn ngàn người. Ảnh hưởng tinh thành rộng lưu đến Đông Hạ. Nên các xứ Tề Triệu Do-anh Ký, những người có tâm kính tin đều bẩm thọ Đạo phong của Sư. bộc Xạ Tổ Hiếu Trưng, Khâm chuộng Quyết đức, nên tấu trình thỉnh Sư làm Quốc Đô. Năm bảy mươi hai tuổi, Sư thị tịch tại chùa Tổng Trì ở Nghiệp Hạ.

Ngay ngày Sư thị tịch, thân tâm thanh tịnh cao vượt, chuyên niệm Bình đẳng làm tâm ấn. Nhưng giòng họ Sư trụ thanh hoa ngôn, thật là khuôn phép cho đời. Tuệ giải của Sư vượt quá vinh dự, sự nghĩa trầm lắng, chỉ thuận theo Pháp, chẳng bó buộc ở một phương. Ăn mặc đẹp xinh, ăn không gồm vị, thọ thí rồi liền ban tán, tình chẳng yêu ghét, hình gá ở tùy duyên, không hề y cứ hạ lạp. Đi ở đều vì lợi ích, chẳng trông lại sự mất mát nơi mình, nói làm đúng lúc, chẳng đấu tranh với mọi vật. Nên người viết truyện phải ghi chép đủ, chẳng dám bỏ sót mọi việc làm của Sư.

4/- Truyện ngài Thích Đạo Phùng trụ chùa Bảo Sơn ở Nghiệp Tây.

Thích Đạo Phùng, ngài giòng họ Hàn, người ở xứ Bình An. Năm

mười hai tuổi, Sư đến chùa Quý Hương Thiệu, xin xuất gia. Ban đầu, tụng Kinh Duy-ma. Tự chỉ trải qua xem đọc một ngày, tính ra có đến bốn ngàn bốn trăm lời, chỉ một lần nghe mà không quên, bèn thông được mấy bộ. Sau đó, Sư học Kinh Niết-bàn, lược xem tiết xa, lại tìm Luận Thành Thật, mới nghe hơn nửa quyển phần văn, bèn dựng lập Đại nghĩa. Vinh dự thông minh nơi Sư không tham muốn ở người xưa. Cuối cùng khiến mọi người xa gần nghe Đạo phong của Sư đều muốn đến đánh lễ tham yết.

Năm được bảy hạ, Sư muốn giảng Kinh Niết-bàn. Sư tự tư duy “Văn chỉ một mà giải thích có khác, tình lý khó giúp nhau, sợ gồm thời khoá hư rỗng, báng Pháp thành tội trọng!” Năm sau, Sư đã lên pháp toà, Sư bèn thực hành Thiên Cảnh. Chương Phủ Y Lạc tìm khắp Gia du. Sau đó, Sư đến chùa Thiếu Lâm, nhiếp tâm an cư kiết hạ. Chư Tăng hỏi đạo vạch rừng rậm mà đến. Nghe Luật Sư Quang mở mang giới bổn, nhân đó, Sư đến nghe giải. Trải qua thời gian, tỏ ngộ Đại thừa, sâu đến chỗ tình nguyện. Sư dừng ở mười năm, tiếng tăm dần cao. Sư bèn giảng từ Luật Sư Quang, hoằng hóa chánh Pháp, khắp các xứ Triệu Ngụy, Sư truyền giảng rất tốt đẹp, có ít người được vậy! Sư giảng các Kinh luận, như: Địa Luận, Niết Bàn, Hoa Nghiêm, luật Tứ Phần, đều xem Quyển mà bàn giảng, mắt chẳng tìm Văn chương số Bổn. Tay chẳng nhắc bút mà đóng mở tùy duyên, nhả nạt trong sáng, suốt hội thuyên chỉ, như có sở chứng. Nên ở kinh đô nói rằng: “Phùng Sư Pháp tướng Thượng Công, Văn cú một đời hiếm quý!” Lời nói ấy thật đáng tin. Người đương thời cho rằng “Miệng Sư biện luận sinh như Thân Tử (Xá Lợi Phất)!”

Đến ngày mồng bảy tháng ba niên hiệu Thiên Bảo thứ mười (năm trăm năm mươi chín) thời Bắc Tề, Sư i thị tịch tại chùa Bảo Sơn ở phía Tây nam Nghiệp Thành, thọ bảy mươi hai tuổi. Trước lúc Sư sắp thị tịch. Hai quả chuông lớn chỉ va chạm chút ít mà bị vỡ. Ngày Sư còn mạnh khỏe, thường nguyện sinh về An dưỡng. Nên lúc ngài sắp tịch có ánh sáng soi chiếu khắp phòng, chỉ một mình Sư thấy, có mùi hương thơm lạ khắp sân, Đại chúng đều nhận biết. Ban đầu, việc hành Đạo của Sư là rộng gìn giữ ở tâm, kinh luật vọi giảng, phước tín đều tu tập song hành. Bà con thân thích qua lại chóng dứt. Các nơi quyền quý giàu sang, Sư toàn không bước đến, mà chỉ đi khát thực để tự nuôi sống, ít chỗ thường quen. Đáp y bày vai, tẩy tịnh mọi việc, đến tuổi già càng bền bỉ. Cổ tay không mặc, sinh tử ngang vậy. Sư dùng tâm duyên miệng, trao đổi nơi Văn tướng, xưa nay dứt bật.

5/- Truyện Tăng Thống Thích Đàm Tuân ở Tinh Châu.

Thích Đàm Tuân, họ Phó, người ở xứ Ngự Dương. Sư xuất gia vào Đạo từ thưở thiếu thời, học luận Thành Thật và Kinh Niết-bàn, thấu cùng chỗ sâu kín. Lại ngay trong luận, Sư soạn yếu thành hai quyển, chú giải và thích nghĩa rồi lưu hành ở đời. Sau, ngài bỏ Tiểu Đạo, tôn sùng Quang Công, sớm tối nghiên tằm suốt hơn mười năm, mảy may yếu chỉ lý giáo bí mật. Sư đều biết rành thông bát. Tuy biết rộng các thứ kinh sách, mà Sư chuyên truyền bá xuất Kinh Duy-ma và gồm có Sở Ký. Đến khi Sư đời Chương nghiệp vân du các xứ Yên Triệu, hoằng hóa thấm đượm khắp bốn chúng. Tà chánh phân rành. Mà Sư rất có công phu viết lách họa vẽ, lại rất ưa thích Thiên Thập. Cái đẹp Văn bút của Sư là sự suy cử của đương thời, đẹp khách dáng lành phong nghi, từ biện nhã tịnh, người nghe không khó chịu. Ban đầu, Sư làm Quốc đô, đến cuối thời Ngụy, Sư làm Tăng Thống Tinh Châu. Đến đầu thời Bắc Tề (năm trăm năm mươi...) Sư thị tịch tại Tấn Dương, lúc đó, Sư sáu mươi chín tuổi.

6/- Truyện Đại Thống Thích Pháp Thượng ở chùa Hợp Thủy

Thích Pháp Thượng, họ Lưu, người xứ Triều Ca. Năm tuổi, Sư bắt đầu nhập Đạo, qua bảy ngày đã thông chương. Năm sáu tuổi, theo người chú vào trong chùa, thấy mọi người đùa cợt mà Sư không khởi tình cổ vũ. Chỉ lễ Phật tụng kinh mà hơi tiếng rõ trội, mọi người đua nhau vây quanh nghiêng mình khát ngưỡng xem nghe. Năm tám tuổi, Sư lược xem qua kinh sách, hiểu suốt được nghĩa lý. Năm chín tuổi, có được Kinh Niết-bàn, Sư bèn mở bày mà tụng đọc liền khởi sinh ý niệm nhằm chán thế tục. Năm mười hai tuổi, Sư đến chỗ Thiên Sư Đạo Được xin xuất gia.

Nhân đi đến đất tương, sau đó trở về lại làng cấp, Sư lại sang Đông đô nương tựa và chuyên học Đạo. Thần khí Sư cao sáng thấu suốt Từ luận. Người đương thời đều tôn sùng kính trọng và gọi Sư là “Thánh Sa-di”. Sau, Sư ngằm ở Lâm Lự, lên chùa Hồ Sơn, tụng kinh Duy-ma và Pháp Hoa, vừa mới hai tuần mà cả hai bộ kinh Sư đều thấu đạt. Nhân tụng, câu hiểu, Sư trở vào Lạc Dương, tỏ rộng thấu suốt Thanh huyền, tiếng tăm vang khắp xứ đó. Đến năm vào học, Sư bắt đầu giảng Kinh Pháp Hoa. Sư đáp kháng nghị nạn không ai chẳng ngợi khen tán phục. Sư khéo tùy cơ nêu hỏi, hay bày hạch xét, quyết thông, chẳng y cứ vào lời nói hơn kém. Dung mạo sắc tướng Sư không mấy xinh đẹp, nên người thời bấy giờ thường nói rằng: “Hắc Sa-di (Sa-di da đen) đến, thì

tòa cao bị tai nạn!”

Sau, gặp lúc khó khăn, thức ăn áo mặc đều thiếu thốn, Sư đặt tâm để ý vào Kinh Niết-bàn, không màng đến đói lạnh, ăn chỉ hạt gạo; thêm ít rau lá, mặc chỉ mảnh áo thêm cỏ che thân. Hình hài mạng sống như sắp đứt mà tinh thần ngày một lớn mạnh. Sư bèn đến chỗ Luật Sư Quang mà xin thọ giới cụ túc. Tánh giới Sư sớm thành, chẳng nhọc sức thầy dắt dẫn. Sư siêng năng chăm chú vào Đế Lý, không để mất tắc bóng thời gian. Bỗng nhiên nghe tin cha bị bệnh nặng, bèn tìm trở về hầu thăm, khi người đã qua đời, chỉ một đêm ở lại, sáng hôm sau, Sư liền trở lại Lạc Đô. Sư dẫn dắt chuyển hóa cho mẹ và người chị cùng vào Nghiệp Đô. Bấy giờ, gặp lúc hoang tàn không nơi nhờ cậy và gởi gắm. Sư có tâm muốn nghe Pháp mạnh mẽ, nên đành phó mặc mà trở vào phương Nam. Mùa Hạ, Sư nghe giảng Pháp ở chùa Thiếu Lâm, mùa thu về lại Chương Ngạn, mẹ con vừa trông thấy nhau, bất chợt rơi nước mắt.

Đến lúc tuệ nghiệp Sư đã cao vợ, mọi người đều tỏ bày cầu thỉnh. Sư bèn giảng các Kinh Thập Địa, Địa Trì, Lăng-già, Niết-bàn v.v.. lần lượt nối nhau và đều có soạn Văn số. Sư lại riêng thấu suốt toán số, thông rành cơ diệu. Giềng mỗi pháp hóa ít có người tiếp nối được nơi Sư, nên người đương thời có nói rằng: “Tại kinh đô rất mong Đạo tràng Sa-môn Pháp Thượng!” Lời nói ấy thật rất đúng.

Năm bốn mươi tuổi, Sư du hóa ở Hoài Vệ, được Ngụy Đại tướng Quân Cao Trưng thỉnh Sư vào Nghiệp Đô. Lời nhiệm mầu mỗi lúc Sư vừa khởi xướng thì thính chúng cùng nhau tìm đến, chỉ lên núi giới cao vời hiểm nguy, biển tuệ sâu lắng. Đức hạnh Sư có khả năng làm khuôn phép cho người, cai nghi của Sư làm trang nghiêm mọi vật. Nên trải qua hai triều đại Ngụy và Tề, Sư đều làm “Thống Sư”. Chiêu Huyền Nhất Tào Thuần nắm giữ Tăng Lục, bảo Sứ viên đặt năm mươi người. Sở bộ Tăng Ni hơn hai trăm vạn, mà Sư làm cương lĩnh gần bốn mươi năm. Các hàng tăng tục đều vui mừng, khắp triều đình đều thỏa ý vui lòng. Do đó, các chùa khắp bốn phương đều ảnh hưởng đạo phong của Sư. Nền tảng tôn sùng ủng hộ ít có người tiếp nối được sắc thái, mà ánh sáng đạo hạnh của Sư soi chiếu xa khắp, nên Vua bèn ban chiếu thỉnh Sư làm Giới sư. Văn Tuyên Hoàng Đế (Cao Dương-năm trăm năm mươi-năm trăm sáu mươi) thời Bắc Tề từng trải tóc dưới đất mời Sư bước qua.

Niên hiệu Thiên Bảo thứ hai (năm trăm năm mươi một) thời Bắc Tề, Vua Văn Tuyên Đế ban sắc rằng: “Cúi mong ánh sáng Đức từ tiếp nối làm thanh bình bốn biển. Muốn báp đáp âm đức, Chánh Giác là

chỗ nương nhờ, các loại thứu điều thương sinh đều nên thả chúng vào rừng núi, lấy chỗ đất này làm nơi cho Thái Hoàng Thái Hậu xây dựng Tháp báu, phế bỏ nơi những người nuôi chim sấn để xây dựng chùa Báo Đức”. Đó tức là nghiên nát tà đạo, chuyển tải qua biển Phật trong ngàn. Sự hưng thịnh ở đương thời, từ xưa đều suy tôn. Mà Sư đều gánh vác tất cả và kết hợp rất hài hòa, mở mang Nội Ngoại, Tăng tục đều vâng theo. Nếu chẳng phải thạch trụ thì ai có thể làm rường cột ư! Bởi cảnh hạnh của Sư tuyên bày cao rộng, chóng ảnh hưởng khắp xa, đến nỗi có Đại Thừa tướng Vương Cao Đức ở nước Cao-câu-ly là bậc rất kính tin Chánh Pháp, kính trọng Đại Thừa, muốn truyền bá Phong hóa Phật pháp đến Hải Khúc mà chẳng nhận biết nguyên do nhân duyên đầu đuôi của Pháp Giáo hưng hoại ở Đông Tây như thế nào, niên đại và qua các đời vua chúa như thế nào? Nên ghi chép đủ mọi sự, mọi điều thắc mắc. Và sai một vị tăng mang đến Nghiệp Đô trình bày điều chưa được nghe biết ấy. Mở đầu lược hỏi rằng: “Đức Phật Thích-ca từ lúc nhập Niết-bàn đến nay đã bao nhiêu năm? Lại Phật Pháp có ở tại Thiên-trúc bao nhiêu năm mới truyền bá tới đất Hán (Trung Hoa). Ban đầu, đến dưới đời Vua nào và niên hiệu là gì? Lại, Phật Pháp dưới các triều đại nhà Tề nhà Trần ai là người dẫn đầu truyền bá? Từ đó đến nay trải qua bao nhiêu niên đại đời vua?” Xin ghi chú đầy đủ, và hỏi về sở truyền nhân pháp của kinh Thập Địa, Luận Trí Độ, v.v.. Sư đáp sơ lược rằng: “Đức Phật đản sinh năm Giáp dần, tức năm thứ hai mươi bốn thời vua Chiêu Vương nhà Chu. Xuất gia năm mười chín tuổi, thành đạo năm ba mươi tuổi, lúc đó là năm Quý mùi, tức năm thứ hai mươi bốn thời Vua Mục Vương (Cơ Mãn) thời Tây Chu. Vua Mục Vương nghi ở Tây phương (tức Ấn-độ) có hóa nhân xuất hiện, liền sai người đi đến trời Tây dò xem, song, các đoàn người đi không một ai trở về báo lại. Vua lấy đó làm ứng nghiệm. Đức Phật trụ thế hoàng pháp suốt bốn mươi chín năm. Từ ngày Đức Phật nhập Niết-bàn đến nay- năm Bính thân, nhằm niên hiệu Võ Bình thứ bảy (năm trăm bảy mươi sáu) thời Bắc Tề-là đã trải qua một ngàn bốn trăm sáu mươi lăm năm. Niên hiệu Vĩnh Bình thứ mười (sáu mươi bảy) đời Vua Minh Đế (Lưu Trang) thời Hậu (Đông) Hán, Kinh Pháp Phật giáo mới truyền đến Trung Hoa. Trải qua các triều đại nhà Ngụy, nhà Tấn truyền bá nối nhau mãi đến ngày nay.” Sư rộng đáp đầu mối duyên do văn từ rất đich xác. Ở đây chỉ nêu bày chung, để nói về truyền bá.

Cuối cùng Vua Văn Tuyên Đế ban sắc thỉnh Sư trụ chùa Định Quốc ở Tương Châu. Dung nghi đức hạnh Sư rõ ràng, cảm kích đàn việt

cung kính cúng dường rất nhiều. Sư có được các vật do mọi người cúng thí, bèn tạo lập một ngôi chùa trên núi, lấy tên là “Hợp Thủy”, ở tại núi Phía Tây của Nghiệp Đô, nay gọi đó là chùa Tu Định. Trên đỉnh cao nhất của núi, Sư xây dựng Di-lặc Đường, các thứ trang nghiêm đầy đủ rất tráng lệ. Đàn Việt cúng dường bốn thứ cần dùng cho cả một trăm năm mươi vị Tăng đang tu tại đó. Đến lúc gặp thời Pháp Pháp hủy hoại chúng tăng mà chẳng hại đến chùa núi. Sư riêng ẩn dạng, hình phục như người thế tục mà đạo nghiệp tu tập vẫn như thường.

Sư phát thệ nguyện sau khi qua đời mong được hầu thấy đấng Từ Tôn, những năm tháng còn lại, Sư nguyện mong thấy sự hưng thịnh trở lại của Phật Pháp. Sư chỉ chuyên nhất đảnh lễ Đức Từ Thị Như Lai, mà nghiệp hạnh siêng năng, tối sáng đều cảm vơi như ý. Gặp lúc thời vận nhà Tùy sắp lay động, mặt trời Phật ngậm lìa, quả sâu tâm mừng khắp cả tâm Phủ. Lúc đã quá già yếu Sư bảo làm kiệu và ngồi vào đó, mặc phủ Pháp Phục ca-sa lên đầu. Các Đệ tử cùng nhau nâng đỡ khiêng Sư lên chùa núi. Ngài chấp tay lễ bái ba lần và nhiễu quanh phía bên phải ba vòng, bèn trở về lại phòng nhà ở núi, tụng kinh Duy-ma, Thắng-man, vừa hết quyển thì thị tịch tại phòng cũ ở chùa Hợp Thủy, thọ tám mươi sáu tuổi. Lúc đó là ngày mười tám tháng bảy niên hiệu Đại Tượng thứ hai (năm trăm tám mươi) thời Bắc Chu.

Thân lượng Sư cao lớn hơn người, cao vợi vượt ngoài chúng. Dẫu đứng trong chúng đông trăm ngàn vị mà Sư vẫn cao riêng một mình trội bầy từ đầu cổ trở lên. Y phục Sư mặc y theo chuẩn mực, áo nạp vá chằm là chính. Y năm điều bằng vải bố. Ngoài Pháp phục, bình bát ra Sư không chứa để bất cứ tài vật gì. Trọn đời không mang giày dép hay cưỡi thú, chỉ đi bộ suốt đời. Môn nhân thành đạt sự nghiệp, mặc tình theo sở học, chẳng riêng vì nghiệp mình, ngài khắp dùng chỉ dạy người. Nói năng Sư thường mỉm cười, với người có tội, không hình phạt bằng roi gậy. Từ khi Sư chưa đảm nhiệm công việc về trước, mọi thứ nghi phục rất hỗn tạp. Khi Sư đã nắm giữ cương thống thì đặt ra cách thức thực hành riêng, khiến cả hai giới tăng tục đều vâng làm. Đó là do công lao rất lớn của Sư. Cho đến xây dựng chùa, tạo tịnh xá cũng phát xuất từ đó. Nên Phật giáo mở mang ở phương Đông, có khả năng quạt lồng ngọn gió trong mát, chẳng giống như trước.

Vào niên hiệu Thiên Bảo (năm trăm năm mươi-năm trăm sáu mươi) thời Bắc Tề, trong nước có đặt ra chức vị Thập Thống. Hữu Ty tấu trình việc ấy phải soi xét khác. Vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương) bèn tự tay ghi chú vào trạng văn rằng: “Pháp Sư Pháp Thượng có khả năng

làm Đại Thống, ngoài ra những vị khác đều làm Thông thống.” Nên sự đãi ngộ của vua đối với Sư như kính thờ Phật. Tất cả những lời Sư nói ra, đều được vâng thừa tiếp dụng. Sư lại rất mực tôn trọng giới pháp, nguyện thương giảng nói và hành trì trọn đời. Mỗi lúc đến sáng sớm ngày Bô-tát, Sư thiết lễ rất nồng hậu, thỉnh tăng để cúng dường. Đến lúc tuổi cao tiếng tăm vang khắp, Sư sợ phiền nhọc đại chúng, đến đêm của năm cuối vẫn còn vâng theo Pháp thức đó. Sư kính thờ tin tưởng như vậy. Sư có soạn “Tăng nhất số pháp” bốn mươi quyển, đều là lược ghi danh số trong các kinh luận. Ban đầu từ một pháp, dần đến mười, một trăm, một ngàn, mười ngàn, có số như rừng. Thật là yếu thuật để truyền trì. Sư lại soạn “Luận Phật Tánh” hai quyển, “Đại thừa Nghĩa Chương” sáu quyển, Văn lý xung hợp rõ ràng sơ lược. Sư lại soạn “Chúng Kinh Lục” một quyển, bao gồm các phẩm loại, đều lưu hành ở đời.

Sư có đệ tử là Sa-môn Pháp Tôn, vốn theo Lý Lão (Đạo Giáo). Đến niên hiệu Thiên Bảo (năm trăm năm mươi-năm trăm sáu mươi) thời bắc Tề thì xả bỏ hết mà trở về nương tựa Thích Chủng. Ngài (Pháp Tôn) rất thấu suốt thời sự, phân lược có y cứ. Sư bèn cất nhắc chọn làm Đô Duy Ma chùa Hợp Thủy. Đương lúc nhà Tề hưng thịnh, mỗi năm có Tam giá đều đến chùa núi hầu thăm kính lễ. Lục Quân đã đến, cúng ra Tăng trụ. Còn lại tùy sự chỉ huy trước sau cung cấp cho ba cung đều đủ. Sau, ngài (Pháp Tôn) thị tịch khoảng đầu đời Tùy. Pháp sư Linh Dụ vốn học tiếp thừa có soạn bốn truyện về Sư.

7/-Truyện ngài Thích Đạo Thận trụ chùa Định Quốc ở Nghiệp Hạ.

Thích Đạo Thận, họ Sử, người xứ Cao Dương. Năm mười bốn tuổi, Sư xuất gia, tụng đọc nghe giảng y theo học nghiệp. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư đến Lạc Đô, nương tựa Pháp Sư Quang để học Địa Luận. Sau đó, Sư bảm thọ ở Thượng Thống mà chuyên chí học Kinh Niết-Bàn. Tánh tình Sư độ lượng, rộng rãi đơn giản, phong thái an nhiên. Ngài làm giảng mỗi cho Môn đồ, chỉ chuyên nhiếp Đại Pháp lấy làm việc chính của mình. Mỗi lúc tham dự Bô-tát thuyết giới, Sư quỳ nghe đến hoàn mãn. Sư giảng giải khai ngộ cho kẻ mê, ngôn từ không phiền toái dài dòng. Người trí sợ lời nói ấy là ít, kẻ ngu lo đó chẳng nhiều. Năm chúng đều rất mến trọng. Nên Vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương năm trăm năm mươi-năm trăm sáu mươi) thời bắc Tề thỉnh Sư làm Quốc Độ dẫn dắt vỗ về an ủi Di Pháp được không thiếu sót, các bậc Thiền tượng Tăng Đạt, Luận Sĩ, Pháp Linh đều phục tài biện giải đối đáp của Sư. Còn như cuộn

cuộn gió nước, xem khắp thời tục thì Sư vượt quá xa. Sau cùng, Sư cưỡi xe đưa vua rồi trở về chùa, hai càng xe đều bị gãy, không bao lâu thì Sư thị tịch tại chùa Định Quốc ở Nghiệp thành, thọ sáu mươi lăm tuổi.

8/-Truyện ngài Thích Tăng Diệu trụ chùa Nhân thọ ở Phổ Châu

Thích Tăng Diệu, Sư còn một tên khác là Đạo Diệu, vốn ở tại Ký Châu, sau đến trụ Tinh xá Cấm hạnh ở Phổ Pha thuộc Hà Đông, Sư vốn Thông tuệ, đọc xem khắp các sách vở, rất tinh thông giảng luận, nhưng bảm tánh Sư luôn khiêm nhường, mừng giận chẳng liên can đến hoài bão của Sư. Nên thường những lúc giảng, Sư xuống dưới tòa, thả chấp tay sám hối rằng: “Ý Phật rất khó biết, kẻ phàm chẳng lường được. Nay những điều tôi nói ra là do những bậc thầy trước truyền trao mà lãnh thọ, chưa dám tự chuyên, nên xin đại chúng đối với Pháp nghĩa ấy nếu là đúng hay là sai cũng nên ban bố cho sự hoan hỷ!” Bấy giờ, vì Sư mở hiểu khắp cùng trước hạnh lớn đoan đạt, trông xem sự rỗng rang ở chính mình nên đều đượm nhuần đức nghĩa, chúng càng nường theo.

Sau, Sư trụ chùa Thường Niệm, tức chùa Nhân Thọ ở quê nhà, nhóm chúng tu nghiệp để hoằng pháp lập công. Đánh vang ảnh hưởng khắp cả Chu Tề, rất cao Danh vọng. Vua Thái Tổ thời nhà Chu đặc biệt rất tôn kính Sư. Trong khoảng niên hiệu Đại Thống ở Tây vực có đưa sang dâng tặng xá-lợi Phật, Vua Thái Tổ bèn bảo Sư kính phụng trên đánh đầu, sớm tối xoay quanh kính ngưỡng, trải qua một năm, bỗng nhiên trong một đêm nọ ánh sáng chiếu khắp phòng nhà, xoay quanh rồi ra cửa, dần kéo ra ngoài, phút chốc soi chiếu khắp 4 phương xa, vọt tỏa sáng khắp cả đất trời. Đang lúc ấy, có người trông thấy cho là Chùa bị cháy nên cùng nhau chạy đến cứu lửa. Khi tới nơi thì thấy ánh sáng thần từ trong bình vàng phát ra. Mọi người đều khen ngợi là việc chưa từng có! Sư kính ngưỡng chăm nhìn linh tượng mà lệ trào hoen my, bèn đốt hương và qùy mà bạch rằng: “Chúng sinh trong Pháp giới đều đã thông thấy được Thánh tích, cúi xin linh cảnh ngậm bí trở về lại vắng lặng rỗng không.” Khi đó, ánh sáng lại xoay tròn cuộn vào trong bình. Đêm đó, âm thanh hken ngợi đốt hương của các hàng sĩ nữ ở Châu Trì, nghe vang xa hơn đến mấy dặm. Trong chùa có một vị tăng ngự trong phòng, đại chúng cùng gọi dậy, nhưng mê man chẳng hay biết, nên cuối cùng không trông thấy được điềm tượng ánh sáng. Sau đó không lâu, vị Tăng ấy bị bệnh dịch lệ, mọi người đều cho đó là do nghiệp đời trước mà ra! Nên bèn có sự cảm thấy khác nhau. Từ lúc Sư nói ánh sáng ấy mất thì không còn thấy hiện lại nữa, Ngọc Xá-lợi Phật ấy đến nay vẫn

còn.

Xưa kia, vào những năm cuối niên hiệu Võ Bình (năm trăm bảy mươi sáu) thời Bắc Tề, tại trong thành cổ Nghiệp Đô có chùa Bạch Mã, đó là thuộc thời Thạch Triệu, do Ngài Phật-đồ-trừng xây dựng. Vốn có ngôi tháp gỗ, vì năm tháng quá lâu dài nên rễ mục hư hoại. Vua Ôn Cung (Cao Vĩ) ban sắc bảo sửa chữa lại, lúc đào bới lên, có được ba viên Xá-lợi; một viên màu đỏ, một viên màu trắng và một viên màu xanh, bèn để vào bình báu. Các hàng sang hèn khắp trong kinh ấp đều cùng nhau đến ngắm nhìn chiêm ngưỡng. Với người có tâm chí thành thì Xá-lợi ấy tự nhiên vọt lên. Còn với hạng người không tin đùa cười khinh mạn thì có nghiêng bình đổ cũng không ra. Nên người thế tục thời ấy xả bỏ tà đạo rất nhiều. Cậu của vua Tề là Quảng Lăng Vương Hồ Trường Ung từng đượm nhuần Phật tông, khuyên Sư hoàn tục. Tuy ở địa vị quý vọng mà chẳng xả giới cụ túc. Khi gặp xá-lợi trong bình nước, thỉnh xin hành đạo, liền thấy ba viên cũng nổi trên nước xoay quanh theo phía bên phải bảy vòng rồi cùng một lúc chìm xuống. Hồ Trường Ung cùng con em càng thêm tin tưởng sâu sắc. Và Sư giảng Kinh Niết-bàn là việc chuyên môn của Sư. Ban đầu lược giềng mối đến cùng, những người học lâu dài được hiểu rất sâu về nguồn cội. Phân vạch văn cú đều đến chỗ cơ ước, mỗi lượt đều khác, do đó Học chúng ít thành mà được các vị tài giỏi ngợi khen. Sư hành hóa ở Giang Biểu thì kính trọng chẳng cao, mà lan dần đến làng quê thì rượu thịt đều dứt bật. Các thứ hành kiệu đang sống đều dùng đất lấp vùi lên, tất cả đều chẳng do dạy bảo mà mọi người tự đổi thay cuộc sống xấu ác.

Có Học sĩ Đàm Diên Thừa soạn Tông bốn, lại rộng đến cùng, xem đầy đủ ở Biệt truyện.

9/-Truyện ngài Thích Tuệ Thiện trụ chùa Sùng Hoa ở Trường An.

Thích Tuệ Thiện, xuất gia từ thưở bé, giỏi về Pháp Thắng Tỳ-đàm. Sư trụ chùa Thê Huyền ở Dương Đô. Nêu bày luận đạo, khắp bốn phía tòa đều kinh hãi sự thần sáng của Sư. Vào cuối thời Nam Lương, Sư từng lánh nạn ở Giang Lăng, vào những năm cuối niên hiệu Thừa Thánh (năm trăm năm mươi lăm) thời Nam Lương, vì bắt được Tần Nhượng, Sư trụ tại chùa Sùng Hoa ở Trường An, học nghĩa rất tốt lành. Vì Chu Trùng tể nhận biết được Sư, nên riêng tu cúng dường. Sư giảng Pháp đến lúc tuổi già. Vào khoảng niên hiệu Thiên Hòa (năm trăm sáu mươi sáu-năm trăm bảy mươi hai) thời bắc Chu, Sư thị tịch tại Trường

An, thọ sáu mươi tuổi.

Ngài khéo dùng Luận Đại Trí Độ, thường trích dẫn Tiểu thừa cùng chứng thành nghĩa, nên y cứ theo văn mà lần lượt tán thích tinh lý, thí dụ như các ngôi sao và mặt trăng giúp cho sự sáng bừng của mặt trời, giống như các thứ hoa lãng xãng rơi xuống nên Sư soạn văn ấy, đề tên là “Luận Tán hoa”. Trong lời tựa, lược ghi rằng: thể thức của việc soạn văn quý ở chỗ văn từ đón gọn mà nghĩa lý dồi dào. Tất cả tác phẩm của tôi mà nay không lường biết hết được, chính do từ dấu vết ấy, ít người am tường đào luyện, vì thế xúc nghĩa ân cần, gặp văn thấy rõ như thấy chỉ tay trong lòng bàn tay. Có người xem đọc rõ ràng, tưởng như soi vào đó, văn nhiều chẳng cùng tận.

10/-Truyện ngài Thích Bảo Thoán trụ chùa Quang Hưng ở Đồng Châu.

Thích Bảo Thoán, họ Triệu, vốn người An Hán. Sau, ngài trụ tại Tô Khê ở Xứng Lon thuộc Miên Châu. Sư bẩm tánh nhân nhượng, tuệ tâm sáng suốt. Thưở bé đã có tướng khác thường, cha mẹ muốn thử khí độ của Sư, bèn đem các thứ gấm lụa, hoa, quả, cung, tên, sách vở để quanh trước mặt Sư, Sư bèn gạt bỏ các thứ bánh quả v.v...chỉ ôm chầm lấy sách vở. Mọi người đồng ngợi khen và lấy làm lạ, đều biết Sư sẽ thành người cứu giúp kẻ khác.

Năm bảy tuổi, Sư có duyên sự đi đến Quận Ba Tây, Thái Thủ Dương Thiệu hỏi ngài rằng: “Nghe ông đọc sách nhiều, vậy vì sao gọi là Lão Tử?” Sư đáp: “Vừa mới sinh mà đầu bạc trắng nên được gọi như vậy!” Dương Thiệu thâm lấy làm lạ. Năm mười sáu tuổi, Sư phụng thờ Lương Bình Tây Vương. Ban đầu, làm Đạo sĩ Đồng tử, Sư chưa học Phật Pháp. Bình Tây Vương biết căn cơ sáng lán của Sư, nên chỉ bảo Sư biết làm việc công đức. Nhờ đọc được kinh Phật, nên Sư mừng vui về Danh Văn, quý trọng nghĩa chỉ. Sư xem xét đọc tụng, mê ngộ càng phân rõ, thường cầu Phật Pháp dùng để dứt trừ tâm tối.

Năm hai mươi bốn tuổi, Sư mới được xuất gia và liền thọ giới Cụ túc. Đầu tiên Sư nghe học luật điển, trước sau được vài năm, lược thông trì phạm. Sư trở lại nghe học Luận Thành Thật, truyền trao quên cả nhọc mệt. Sư chẳng tiếc riêng Tư Ký, ai cần Sư liền ban cấp. Sư nghiên cái mà tâm chỉ ra, từng khoa riêng đến cùng. Cuối cùng Sư lại nghe Pháp Sư Thiệu giảng, thấu cùng chỉ thú. Võ Lăng Vương hỏi rằng: “Sư đại tập ma-ha Đường, bảo giảng kinh thỉnh Quán Thế Âm”. Ban đầu chưa nối liền tâm, vốn không Văn số. Mới làm tình tư rút ra thiếp cú lý,

Từ nghĩa suốt hợp, người nghe đầy cả nhà giảng. Ngài riêng ghi lời ấy, nhân thành số bản, rộng lưu hành ở đời.

Sau, Sư trở về Phù Xuyên, mở mang Giáo hóa. Tăng tục ngoại điển, kinh Phật lần lượt chỉ dạy dẫn dắt. Sư hướng dẫn người Tà về Chánh, mười nhà được chín. Sư lại gom chép các phương thuốc trị liệu các thứ bệnh khổ. Hoặc có người đem vàng lụa để đáp đền công lao, nhưng Sư không nhận một vật gì, khiến cho có người mang nghĩa nhớ đức của Sư mà bỏ tục xuất gia. Hoặc có người bị chướng duyên chưa thể hòa hợp thì phát nguyện trọn đời thọ trì tám giới. Ngài tuy đạo hạnh lan tràn khắp tỉnh lạc, phong hóa tỏa cùng xứ Mân Nga, nhưng chí khí Sư chỉ ở việc mở mang giáo pháp. Tâm thành nêu dựng, chẳng tranh đua cùng người vật. Sư thấy Kinh Đại Tập chưa được truyền bá ở đất Thục, nên muốn soạn số ký để giúp cho hàng hậu học có chỗ quay về. Sư bèn giao phó các kinh luật, đến núi mà soạn tập, nhưng đại chúng lại tìm đến, khiến có điều phiền nhiễu. Mãi tới năm sau mới được thành tựu không một lưu nạn. Ban đầu, lúc soạn số đến phẩm “Hư Không Tạng”, đối với Nghĩa lý chưa được thông đạt. Sư bèn nhắm mắt để suy nghĩ, bất chợt thân bật lên giữa hư không, cách đất chừng ba, bốn thước, rồi bỗng nhiên Sư đại ngộ. Cuối cùng văn tuệ tỏa phát, Sư soạn viết không giảng nói, căn cứ vào đó làm lời, chí lực khó phỏng theo. Bấy giờ có Sa-môn Bảo Nguyên trụ chùa Võ Thệ ở Ích Châu, là người đầu tiên thỉnh Sư giảng. Đại chúng nhóm họp lắng nghe những điều chưa từng được nghe, không ai chẳng khen ngợi mừng vui. Lại gặp được Bồ-tát Tăng Ngạn, ra đời vì tạo kinh bản, nhân đó mà truyền trì mãi đến ngày nay chẳng dứt. Nên chỉ một học tại Bảo Phường mà trùm khắp cả Kiếm Nam. Sau, Sư lại soạn số giải các Kinh Niết-bàn, Pháp Hoa, v.v.. đều cất bỏ rườm rà để dễ hiểu, người nghe không bị rối rắm, tăng tục khắp châu cảnh đều sinh ý tưởng là điều khó gặp.

Sư thường nói: “Thân mạng tôi không được lâu dài, chỉ phải tự cố gắng, thân tâm giảm bớt sự ăn mặc mong kéo dài mạng sống thừa! Nên mọi sự thô xấu chỉ để dắt dẫn bấu thân, hoằng pháp dẫn dụ làm tâm, Hộ sinh an chúng là việc thường đáng làm!” Bỗng nhiên, Sư bị bệnh phong, không thể nói lâu được. Khi mạng sắp dứt, tâm Sư riêng phát thệ nguyện cầu mong Chư Phật che chở để được phân giao mọi vật. Sư khởi niệm ấy rồi, bỗng nhiên nói được, Sư ngoái nhìn lại các đệ tử dạy răn chỉ chỉ bày mọi điều họa phước, Sư bảo “ta sắp đi đây” và thúc giục làm đi số phân xử các thứ y vật, cúng dường Tam Bảo. Sư hạ bút viết xong, trở lại không nói được nữa. Người thị giả vội đem nước cơm để dâng

nhưng Sư ngậm miệng cự tuyệt. Khi cơn bệnh đã quá nặng. Sư chỉ xưng danh hiệu Phật, chấp tay ngang trán, an nhiên thị tịch tại chùa Quang Hưng ở Đồng Châu. Nay gọi là Chùa Đại Chấn Hưởng, thuộc Miền Châu. Sư thọ năm mươi tuổi, lúc đó là ngày hai mươi ba tháng mười một niên hiệu Bảo Định thứ nhất (năm trăm sáu mươi một) thời Bắc Chu.

Trước lúc Sư thị tịch, vốn ở tại núi. Vào khoảng tháng năm, tự nhiên vô cớ mà núi sụp lở, bụi bay tối cả bầu trời. Cả chúng đều kinh hãi mà không ai lường biết được điều lạ lùng ấy. Đến khoảng tháng tám, mọi người trong ngôi làng phía Bắc núi đều thấy một pho tượng từ chùa núi đến nương giữa hư không mà đi về phía Bắc. Có phước đồệp sắp bày phía trước, tăng chúng đi theo sau, mọi người bèn đến chùa hỏi thì không một ai thấy biết. Đúng ngay lúc đó là Sư đến giảng tại chùa Quang Hưng, có người đem điều đó thưa hỏi. Sư bảo: “Đó là điềm ứng của ta, không liên can đến người khác!” Đến khi Sư thị tịch tại chùa ấy, quả nhiên y như những điều đã thấy!

11/- Truyện ngài Thích Đàm Diễn ở Lạc Châu.

Thích Đàm Diễn, họ Hạ Hầu, người ở châu Nam Duyện Châu. Lúc mới sinh, Sư đã mọc răng đầy đủ, người đời lấy làm lạ. Năm bảy tuổi, Sư đi học, rất thông minh khác thường. Năm mười lăm tuổi, Sư được đề cử làm Châu Đô Công Sự. Có những lúc rảnh rỗi, Sư bèn dự nghe Thích giảng. Năm mười tám tuổi, Sư đỗ Tú tài cống lên Nghiệp Đô, đến nghe giảng ở Pháp tịch của Pháp Sư Quang, Sư liền bảm thọ quy giới, xả bỏ việc thế tục chuyên nghiên cứu Phật Lý, ở lại học ba năm, lần lượt gặt đạt đến trước.

Năm hai mươi ba tuổi, Sư xuất gia với Luật Sư Quang, liền được thọ giới. Nghe không có lúc nhàn rỗi, Sư bỏ cả ăn ngủ, nhưng đối với Tạng Chỉ, còn có điều nghi, Sư đi hỏi khắp các bậc thạc học, nhưng đều bị khước từ khi họ không hiểu. Sư bèn khai thác Hoàn Vũ, lập ra khuôn phép. Sư bảo đồ chúng rằng: “Ta theo thầy nhiều năm học đạo mà tâm ngộ chưa quyết, lại do ý tham cứu nhiều ngày, bỗng nhiên có chỗ y cứ. Ấy giống như mắt tiếp xúc với mặt vách tường thì tối tăm không thấy biết gì, nhưng kéo cổ ra khỏi cửa thì xa gần đều thấy.” Do đó mà việc giảng Pháp, Sư không hề phế bỏ. Khen ngợi Huyền lý, thanh biện hùng sáng, lời hợp thời cơ. Từ các xứ Tề, Trịnh, Yên, Triệu đều ảnh hưởng thần hóa của Sư. Tuy gặp phải chuyên trở ngại, Sư vẫn an nhiên chịu khổ không hề mỏi mệt. Chư tăng nghĩa học có hơn ngàn vị, xuất gia, cư sĩ gần đến năm trăm, đều mở mang Đạo Chí, giới cấm luôn giữ tại

tâm. Triệu Quận Vương Cao Duệ, Thượng Lạc Vương Cao Nguyên Hải. Thứ sử Giao Châu là Đỗ Bật đều là những bậc ý thích trọng thần dưới triều đại nhà Tề mà đều có tâm kính trọng Sư. Bộc Xạ Tổ Hiếu bày tấu thỉnh Sư làm Quốc Đô, tiếp nối hòa hợp Đạo Chính chẳng rơi lạc lưới Huyền, mà bày rải Từ lý, lời chuộng không quan trọng. Nên đối với văn kinh rườm rà dôi dào thì Sư chỉ trích lấy một câu, để bao gồm văn rộng. Người đương thời quý trọng Sư ở điểm văn từ dôi dào có khuôn phép mà lại đơn giản.

Thường những ngày rảnh rỗi, Sư tự lấy làm buồn, bảo rằng: “Ngày trước, khi còn ở thế tục, không thấy được giới quý báu, nên khiến người đời không biết mà làm dơ bản tịnh giới của ta. Nếu không như vậy thì lẽ ra đã có sở đắc!” Đến ngày mười tám tháng ba niên hiệu Khai Hoàng thứ nhất (năm trăm tám mươi mốt) đời Tùy, bỗng nhiên Sư bảo thị giả là “Vô thường đã đến” và liền xưng niệm Danh hiệu Phật Di-lặc. Hơi tiếng đều dứt. Khi đó vào lúc giữa trưa, Chư tăng trong phòng đều thấy khuôn mặt Sư vẫn tươi tắn vui vẻ. Lúc ấy Sư đã bảy mươi chín tuổi, Sư thị tịch tại nhà Hộ Lư ở Lạc Châu.

Lúc Sư mới sinh tướng tốt đã cảm kích đến người, Sư lập tiết tháo trình thuần thẳng thắn, tâm dụng duệ ước, tình luôn cứu giúp đời, nên cất giữ các vật để cứu giúp kẻ nghèo bệnh là việc trước tiên của Sư. Pháp lợi trùm khắp, Sư thực hành trước khi truyền trao, chỉ trông thấy kính tượng thì kính phụng đánh lễ đón rước, đi trên đường gặp người nghèo khổ thì ngài xót thương rơi lệ. Sự kính cẩn chân chất tin tưởng sâu sắc của Sư đến như vậy. Sư lại thường thích nghe giới. Đời Sư có hai lần không nghe giới, Kinh Duy-ma và Kinh Thắng Man mỗi ngày trì tụng một biến. Các vật tanh nồng, Sư không hề để mắt nhìn. Mỗi lúc hạ khí Sư ráng giữ trong thân ra khỏi cửa mới xả, để thanh tịnh Tăng Phòng, chẳng làm xông hôi. Lúc chưa thị tịch, Sư có mộng thấy mặc áo đỏ, búi tóc nơi lưng, có hai đồng tử hầu Sư rồi bay lên giữa hư không theo hướng Tây bắc, chốc lát sau đó, Sư liền thị tịch. Mọi người lúc ấy cùng cho là Sư sinh về cõi trời.

12/- Truyện ngài Thích Tuệ Vinh trụ chùa Trang Nghiêm ở Dương Đô.

Thích Tuệ Vinh, họ Cố, người ở xứ Sơn Âm thuộc Cối Kê. Vào niên hiệu Đại Thông (năm trăm hai mươi-năm trăm hai mươi bảy) thời Nam Lương, Sư già từ cha mẹ, cầu xin xuất gia. Bấy giờ tại các chùa Kiến Sơ, Bành Thành đang truyền bá hưng thịnh Luận Thành Thật. Sư

vốn chưa hề nghe qua mà đã biện rõ khắp cùng, cả chúng đồng ngợi khen, bèn mở bảo đọc xem. Bẩm tánh Sư rộng sáng, chẳng màng việc thế tục, chỉ chuyên làm Pháp sự, ngoài ra hoàn toàn không để ý. Cha mẹ ở quê nhà buồn mất Sư sớm, nhân đó bèn gửi thư và một số hành lý. Sư nhận được bèn liền đốt bỏ, nói với các bạn đạo rằng: “Đâu hai chữ, cần gì phải mở xem?” Có người hỏi chữ gì? Ngài đáp: “Đó là lành và giữ”. Sư chứa nhóm công phu như thế hơn ba mươi năm. Chẳng gọi là Nghĩa long thì thề không trở về lại. Từ đó, Sư chuyên nghiệp mạnh mẽ bền bỉ. Tiếng tăm khen ngợi vang xa, Sư vì giảng ngộ, học chúng thấy về nương. Đến năm năm mươi tuổi, môn nhân cũng vậy, Sư bèn mở rộng Pháp tịch, rộng mời khắp các hàng tăng tục.

Bấy giờ, Lương Trữ đang ngồi dưới tòa mà vốn không biết Sư, mới hỏi người giảng tên gì, Sư bèn ứng tiếng đáp rằng: “Tuệ Vinh Tôi ở Vũ Huyệt, một mình bước đến Giang Đông, Thái tử còn không biết thì làm sao gọi là Trữ Quân?” Cả Pháp hội mọi người đều bịt tai, vì cho như vậy là rất trái lẽ, nhưng Sư vẫn thông dong như cũ, dường như bên cạnh không có ai.

Sau, Sư cùng các đồ chúng đồng trở về ấp cũ, mẹ của Sư vẫn hiện còn, và mọi vật đều như cũ, Sư bùi ngùi than rằng: “Mười lăm tuổi, ta già từ quê nhà, năm mươi tuổi mới có dịp quay trở lại, những người trẻ tuổi không hề biết ta, người tuổi già không còn một người!” Các hàng Tăng tục trong ấp ấy muốn tự làm sáng ngời mình, nhưng kỵ nói lời ấy, bèn nhóm họp các hạng người, bảo Sư lập nghĩa, Sư bảo: “Tôi học rộng, nếu dựng lập ngay, sợ sẽ thừa từ, nên tùy mọi người nêu lên Nghĩa môn, sau đó tôi sẽ nêu có bằng cứ!” Mọi người cho đó là bác đạt khoe khoang, bèn bảo dựng lập nghĩ a “tám mươi vẻ đẹp” vì cho là chắc chắn chẳng thể tụng trì. Sư bảo: “Cả chúng không có một người. Đây mới là văn rườm rà, mà nghĩa có thể biết.” Sư liền phân bộ trên dưới, dùng giầy Pháp để giữ, chỉ trong khoảnh khắc, điệp số bày danh xuất thế. Đều tuy khó bàn bạc, bởi không Thành cứu giúp. Sau, già ngài lại ra thành đô, bèn cùng giảng trao.

Đến cuối niên hiệu Chí Đức (năm trăm tám mươi bảy) thời Nam Tề, Sư thị tịch tại Dương Đô.

13/- Truyện ngài Thích Đàm Diên trụ chùa Diên Hưng, ở Kinh đô.

Thích Đàm Diên, họ Vương, người xứ Tang Tuyên thuộc Phổ Châu. Gia đình Sư thuộc hạng hào tộc, làm quan qua các triều đại nhà

Tề, nhà Chu, nhưng tánh Sư chỉ thích hợp với sách vở, khắp làng nước đều ngợi khen.

Năm mươi sáu tuổi, nhân được đi đến chùa, Sư nghe Pháp Sư Tăng Diệu giảng Kinh Niết-bàn, bèn tham cứu mà tỏ ngộ được yếu chỉ. Sư bèn xả tục, xuất gia, tìm xét sự sâu mâu đến cùng. Sư mở lời trong sáng cao vượt khác thường. Lúc vừa hai mươi tuổi, Sư đã giảng nói. Từ ngữ biện luận dồi dào rộng rãi. Sư thường nói rằng: “Diệu Lý Phật tánh là Tông cực Niết-bàn. Ấy đủ làm chỗ Du ngoạn cho tâm thần!”

Thân Sư cao chín thước năm tấc, tay duỗi dài quá gối, mắt sáng phát ra ngoài dài hơn cả thước, dáng vẻ trang nghiêm, từ dụ rộng khắp, đáng gọi là đường đường. Sư đi nhìn thẳng tới trước, nếu cần ngoái nhìn chung quanh, thì xoay cả mình lại. Phong cách khoan thai. Bấy giờ đức hạnh Sư truyền xa. Sau khi thọ giới cụ túc, khí độ Sư ngày một mới thêm, sáng soi mạnh mẽ, mọi người xa gần đều ghé mắt trông nhìn. Tuy xem đọc các kinh sách sâu mâu nhưng Sư sợ Lý nghĩa còn ở dạ bên ngoài. Sư bèn nghe lại các bộ Hoa Nghiêm, Đại Luận, Thập Địa, Địa Trì, Phật Tánh, Bảo Tánh, v.v.. và đều vượt qua người dẫn trước, bao gồm bốn bờ chuẩn đích. Sư tự nhìn lại bóng mình mà nói rằng: “Ta và người đắm chìm đã lâu ngày, phiêu bạc, quay về đâu? Nay có thể nương nhờ vào Đạo, ngâm lắng hình mà tinh cần tư duy về điều kiện quan trọng để thoát ra.” Sư bèn đến ẩn tại chùa Bách Thê ở núi Thánh Hành, thuộc Nam Bộ. Tức nay gọi là núi Trung Triều.

Bấy giờ, trong núi ấy có cư sĩ Triết, học thức bao gồm huyền nho, có lắm điều được trông xem, nghe Sư tuổi trẻ mà biết Đạo, sớm tỏ ngộ vượt hẳn người thường, bèn tìm đến tham yết nói cười, đùa vui cùng cao, chưa vái chào mà cư sĩ Triết đùa vui đề bốn chữ “Viên, Phương, Động, Tĩnh” và bảo Sư giải thích. Sư liền đáp rằng: “Phương (Vuông) như ngôi Thành Phương đấng. Viên(tròn) như mặt trời trí tuệ. động thì biết làn sóng. Tĩnh giống như nhà Niết-bàn: “Cư sĩ Triết Kinh lạ hết lời ngợi khen rằng: “Từ trước đến nay chưa từng được thấy, thật là ít có, nổi bật ở đời, chính là người này!” Sau đó, cư sĩ Triết thường luôn lui tới thưa hỏi điều nghi, cầu xin giải nghĩa. Sư ở nơi thanh vắng, lắng tĩnh ý chí. Muốn soạn Niết-bàn Đại số, nhưng ngại sợ có chỗ vướng mắc nơi phạm tình, nên thường chí thành cầu nguyện suốt cả lúc thức hoặc ngủ. Ban đêm Sư mộng thấy có một người mặc áo màu trắng, cưỡi con ngựa trắng, lông bờm và đuôi phẩy tới đất mà nói trao cho ý chỉ kinh. Sư đưa tay nắm lấy bờm ngựa và cùng bàn rõ. Sau khi tỉnh giấc, Sư suy nghĩ rằng: Đó chắc chắn là Đại Sĩ Mã Minh đến trao cho ta đầu mối nghĩa

lý, nắm lấy bờm ngựa mà biết được Tông Chỉ, nói việc thì có thể biết!” Sư bèn soạn Đại số, nói bài kệ rằng: “Quy mạng Như Lai Tạng, Pháp chẳng thể nghĩ bàn, v.v.. Lúc biên soạn xong, Sư còn sợ không hợp với chánh lý bèn mang kinh và số đến bày trước tháp Xá-lợi của chùa Nhân thọ, ở châu Tri, đốt hương và phát lời thệ rằng: “Đàm Diên con với khí độ phạm tình kính ngưỡng lường xét thánh tâm, thuyên giải chú thích đã xong, đầy đủ như quyển riêng, nếu thấu đạt được chỗ sâu xa mẫu nhiệm, nguyện xin hiển bày diễm sáng linh thiêng, còn như không được diễm cảm thì xin chẳng truyền trao.” Sư nói vừa xong, cả Pho quyển Niết-bàn đều phát ra ánh sáng, suốt đêm hiển bày diễm lành, kẻ tăng người tục khen ngợi mừng vui. Xá-lợi trong tháp lại phát ra ánh sáng thần suốt ba ngày ba đêm, soi chiếu rực rỡ không dứt, trên rọi tới trời xanh, dưới chiếu khắp núi sông. Mọi người khắp nơi trông thấy ánh sáng đều đến bái yết. Chỗ ánh sáng ấy soi chiếu rất giống như ánh sáng soi chiếu của Pháp sư Tăng Diệu. Như thế tức là thầy trò có sự cảm thông, Sư bèn viết Biểu văn tấu trình, Vua rất vui mừng ban sắc thỉnh Sư đến giảng. Đã cảm được diễm lành, Sư bèn giảng rộng. Những văn số do Sư soạn đều được truyền bá ở đời. Những vị Anh đạt thông suốt nghĩa ở đương thời đem so sánh với các tác phẩm của Viễn Công, thì Văn cú của Viễn Công thật rất thỏa đáng, ở đời thật ít có. Nhưng nêu rộng rãi, soi chiếu rộng lên thì văn số của Sư rất vượt hơn!

Vua Thái Tổ thời Bắc Chu vốn tôn sùng đạo Thanh, cũng rất khâm phục kính trọng Sư, đích thân kính thờ Giảng chủ, tự mình đến dự nghe thanh ngôn. Mọi người xa gần đua nhau tìm đến chiêm ngưỡng đông như chợ. Sư có được các vật do mọi người cúng dường đều chẳng chứa để riêng. Tánh Sư ưa thích đạm bạc rỗng rang, không can hệ đến thời sự, chính trị. Vua Thái Tổ cho rằng chùa Bách Thê quá xa, hỏi xét đường đi khó khăn, bèn ở phía Tây núi Trung Triều; nơi có địa thế tốt đẹp. Vì Ngài mà xây dựng ngôi chùa lấy tên là Văn Cư. Quốc gia cung cấp, chung cho thính chúng.

Có Trần Cung sai Chu Hoằng Chính, là người khảo xét rộng về các kinh sách, biện luận như thác đổ, du thuyết khắp ba nước, kháng cự không ngại. Vào niên hiệu Kiến Đức (572-578) thời Bắc Chu, Sư mang sứ mạng đến đất Tần. Vua rất ngợi tài năng bén nhạy của Hoằng Chánh. Cả triều đình đều hổ phục sắc thể. Vua ban sắc khắp trong nước những kẻ sĩ nào có khả năng ăn nói, không phân biệt là đạo hay tục, hoặc tìm tòi những người mang tánh cao đời, ẩn dật nơi núi hang, có khả năng đối luận với Hoằng chánh, không được rơi lạc nơi Quốc phong. Bấy giờ, thứ

sử Phổ Châu là Trung Sơn Công Vũ Văn Thị sớm thừa lệnh phạm (pháp lệnh) bèn dâng Biểu Văn trình tấu rằng: “Có Pháp Sư Đàm Diên là bậc khí thức sâu rộng, phong thần sáng trội, tuy chưa đến ba mươi tuổi mà anh tài hùng biện khó có người nối tiếp!” Vua bèn mời nhóm tất cả các bậc Hiền tài có khả năng, mong tới ngày Thích điện. Đích thân nhà vua đến dự pháp diên, các hàng Triều Tể đều đến dự.

Khi đó nước Chu (Bắc Chu) có hai người là Tăng và vọng lần lượt lên toà, phát ngôn sấp xong, liền bị Hoàng Chánh hỏi vặn, nên bày y cứ lấp bắp, vạch giải chẳng thông. Vua và các quan liêu cả triều đình đều đổi sắc mặt. Theo thứ lớp thì Sư ngồi ở sau cuối, chẳng chịu nổi sự xấu hổ ấy, bèn chẳng theo thứ lớp mà tự đứng dậy. Vua hỏi: “Chưa đến phạm vị mình có việc gì mà đứng dậy ngay như thế?” Ngài Sư đáp: “Nếu là Đại Sĩ ở phương khác thì có thể nhờ cậy các đại đức cùng đến. Nay đây chỉ là vị thần nhỏ ở nước ta, Tiểu tăng tôi có khả năng đối địch.” Sư liền bước lên toà Cao. Vua lại hỏi: “Vì sao không lễ bái Tam Bảo?” Sư đáp: “Tự lực mình có thể đủ nghĩ phỏng, chưa cần phải nhờ vào Thánh Hiền giúp sức thêm.” Vua rất vui mừng. Hoàng Chánh liền nêu lời vặn hỏi, Sư bèn dẫn nghĩa mở ải, Hoàng Chánh rất cậy cơ diệu, dùng trước để bẻ sau, Sư thừa thế bẻ gãy mọi sự v.v., đều khuất phục. Nhân đó Hoàng Chánh liền đánh lễ chịu thua, bùi ngùi biết quay về muộn. Tự tỏ bày rằng: “Đệ tử đi khắp ba nước, hỏi phỏng đáng là thầy trong các thầy, chẳng nói, ngày nay mới gặp ở đây.” Liền xin thọ giới. Ngày đêm thưa hỏi, trọn dùng làm tông. Đến lúc trở về đất Trần, các nghĩa môn do Sư soạn đều là Nghi Mạo, Hoàng Chánh đều ghi chép đem về nước, thường đêm xoa mặt về hướng Bắc đánh lễ tôn xưng “Đàm Diên Bồ Tát”.

Ban đầu, ngài Hoàng Chánh già từ Sư, dự làm bốn mươi bài thơ nói về gió mây núi biển, đều trích dẫn để nêu cao tư tưởng đặc biệt, dùng để dâng lên để Sư lưu lại từ biệt sau này, và một kinh mục chẳng hề tìm lại. Sư bèn cầm bút họa lại, đề như đã tụng trước, đáp đồng với âm vận gốc, ý rất thông rộng. Hoàng Chánh rất thán phục, không còn đối lại nữa, bèn quỳ xuống thưa rằng: “Nguyện xin nói một lời đã giam trong cõi lòng. Sư bảo: “Vì khách mà trải toà, khách chẳng ngộ, lìa người rất xa nóng như lửa, cái dụng của khuôn phép là ở trong da.” Hoàng Chánh nói: “Đó là ý thường còn.” Vua cho rằng Sư ngộ phát từ Thiên chất, đáng làm phép tắc cho cả năm chúng, bèn phong cho Sư làm Quốc Thống, khiến khắp đất Chu được dẫn dắt. Ngài rất có công lao.

Đến lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung) sắp phế bỏ cả hai giáo, Sư rất mực cản ngăn mà Vua chẳng nghe theo, Sư bèn vào ẩn tại núi Thái Hành, lặn vết giữa người đời. Sau đó, Vua mời Sư ra phụ giúp Trung Sứ Lữ Đạt, thật ra Sư ẩn vùi tiết tháo vào trong hang núi sâu, nhiều lần tìm cầu không được. Đến Thiên Nguyên bị bệnh. Vua bèn hối hận lỗi lầm ngày trước, khai lập Tôn tượng. Và độ một trăm hai mươi vị làm Bồ-tát tăng. Sư dự tại Thượng Ban, nhưng vẫn còn buồn vì đồng như tướng thế tục, nên bèn trở lại ẩn tu nơi rừng rậm. Đến lúc Nhà Tùy bắt đầu sáng lập cơ nghiệp, chưa lần lượt độ tăng. Ban đầu Sư nghe thay đổi chính trị liền cạo tóc mặc pháp phục, cầm tích trượng đến nơi Vương đình, đối mặt tỏ bày với Hoàng lý. Vua chưa kịp ban sắc an ủi, Sư liền trước tỏ bày rằng: “Kính hỏi Hoàng Đế làm việc lớn cả bốn bể không đến nỗi nhọc thân chăng?” Vua Văn Đế (Dương Khiêm năm trăm tám mươi mốt-sáu trăm lẻ năm) đời Tùy bảo rằng: “Đệ tử từ lâu đã suy nghĩ ý ấy, chỉ tiếc là chưa khắp.” Sư nói: “Bần đạo nghe thuở xưa có thời nhà Nghiêu, ngày nay mới gặp, v.v..!” Vua Văn Đế nghe, mừng vui với bốn hoài, cùng bàn khuôn mẫu của khai pháp, nguồn gốc của giáo hóa. Sư cho rằng chùa chiền chưa rộng lớn, giáo pháp mới hưng thịnh. Bèn tấu trình xin độ tăng để ứng với số một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu, năm trăm Đồng tử. Vua ban sắc bèn độ chung hơn ngàn vị để xứng với sự cầu xin của Sư. Đó là khai nghiệp trong sự giáo hóa của Đạo Phật đời Tùy. Và từ đó về thì phát triển rất nhiều. Trước sau riêng thỉnh độ, gồm có hơn bốn ngàn vị tăng. Những ngôi Già-lam bị Vua Võ Đế (Võ Văn Ung) dưới thời Bắc Chu phá hủy, Sư đều xin xây dựng lại. Tam bảo trở lại hoàng hóa, công gồm vận đầu ấy đều là do công sức của Sư.

Khi đời đô Long Thủ, Vua Văn Đế có ban sắc tại phường Quảng Ân để dựng lập “Diên Pháp Sư Chúng”. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ bốn (năm trăm tám mươi tư) đời Tùy, vua lại ban sắc đổi Diên chúng thành chùa Diên Hưng, mặt đối với đường cái thông suốt, hai cửa Đông Tây của kinh thành cũng có thể lấy tên Diên để làm Diên Hưng, Diên Bình, nhưng tên gọi ấy được đời quý trọng. Đạo là Đế Sư, mà kính phục vâng thừa như thế. Trọn từ xưa ít ai bằng. Xưa kia cửa của Trung Thiên Phật lý, bèn gọi hiệu là Cù-đàm, nay Quốc thành phụng thờ huý của Sư, kế đó là Luạn. Lại đổi chỗ vốn ở của Sư là chùa Vân Cư thành chùa Thê Nham. Vua ban sắc Thái nhạc Lệnh là Tề Thọ Đề tạo Phật điển ở núi Trung Triều, hiện truyền cúng dường. Sư trụ chùa ấy kết chúng thành nghiệp. Vua ban sắc mang đèn sáp, chưa đến nơi đã phát nóng và tự nhiên cháy sáng. Sư lấy làm lạ, đem sự việc ấy tấu trình lên vua. Nhân

đó mà đổi tên chùa Sư ở gọi là chùa Quang Minh. Sư bảo: “Hoàng hóa cần phải rộng, chưa thể tự chuyên lấy tên biển ngạch”. Nên Sư lại tấu trình lập riêng một ngôi chùa khác, được Vua chấp thuận, nay chính là chùa Quang Minh. Sư có lắm điều u hiển hiện điềm lành đại loại như thế.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ sáu (năm trăm tám mươi sáu) đời Tùy, trời hạn hán, từ triều đình cho đến Đồng nội thấy đều hoang tàn. Vua Văn Đế ban sắc thỉnh ba trăm vị tăng đến chánh điện thiết lễ cầu mưa, qua nhiều ngày mà không được cảm ứng. Vua bảo: “trời không ban mưa là do nguyên do gì đây?” Sư tấu trình: “Sự việc nguyên do có một vài điều.” Vua lại cùng các Liêu tể bàn bạc việc ấy mà không đạt được ý nên vua ban sắc cho Kinh Triệu Thái Thú Tô Oai hỏi Sư về một vài nguyên do ấy. Sư đáp: “Bệ hạ là chúa của Vạn Cơ, các quan là quan của Tỳ Tán, đều trái với trị thuật, đều lỗi hẹn với huyền hóa, nên mưa và không mưa là có một vài nguyên do” Vua bèn đích thân lo việc cầu mưa, thỉnh Sư đến Đại điện, lên ngồi trên tòa, xoay mặt về hướng Nam mà truyền Pháp. Vua cùng triều tể từ Quan Ngũ Phẩm trở lên đều ngồi dưới đất xoay mặt về hướng Bắc mà thọ tám giới. Giới trao vừa xong, lúc ấy ngay giữa trưa, giữa trời có một tầng mây, chỉ phút chốc đã trải khắp và liền rưới mưa cam lộ, xa gần đều được cảm. Vua rất vui mừng, ban tặng ba trăm xấp lụa, mà Sư rỗng không, không có tâm chấp ngã, chẳng vướng mắc nơi khách chủ làm Tâm. Hễ có của cải gì Sư đều gieo vào hai ruộng phước Bi và Kính. Nên khắp bốn phương xa mọi người tìm đến rất đông. Có một lúc gạo thóc sắp hết. Vị tăng chủ chùa là Sa-môn Đạo Mục báo rằng: “Lương thực chỉ còn cung cấp được hai ngày ăn” trong ý muốn giải tán chúng tăng. Sư bảo: “Phải lúc nào thật sự hết sạch mới giải tán chúng tăng.” Sáng hôm sau, vua Văn Đế tự nhiên đưa lên hai mươi xe gạo. Đại chúng nhờ đó được yên ổn. Có người cho là Sư có sự sáng suốt thấy biết trước, cho nên dừng cầm giữa chúng tăng đãi cúng. Sau đó không lâu, vua lại đưa lên năm trăm thạch gạo. Năm đó gặp lúc đói kém, tăng chúng nhờ vậy mà không đói dời. Vua đã coi Sư làm Sư Phụ, lại ban sắc cho các hàng mật thích ý thân đều thọ quy giới. Đến lúc thọ thực xong, tự thân vua phụng dâng nước uống, tay cầm lấy xiêm y, dùng thuần lễ nghi của đệ tử đối với thầy, thêm sự kính trọng, tình chẳng thể thôi. Lúc bấy giờ, Ngài rất được Vua lễ trọng, tình chẳng thể thôi, đại loại như thế. Vua ban sắc lại bãi làm Bình Đệ sa-môn. Nếu có người phạm phải lưới hình, đều đối với việc ấy mà rơi lệ, khiến kẻ ấy chiết phục theo, hoặc dẫn vết vào núi rừng, chẳng dám dung thứ ở đời.

Đến ngày mười ba tháng tám niên hiệu Khai Hoàng thứ tám (năm trăm tám mươi tám) đời Tùy, Sư thị tịch tại chỗ Sư ở, thọ bảy mươi ba tuổi. Lúc sắp tịch, Sư để lại di văn khải trình vua Văn Đế rằng: “Đàm Diên tôi gặp được Vua Pháp ở đời, riêng đội ân sâu. Duyên xưa nghiệp cạn nên sớm trái nhau. Kính mong Chí Tôn hộ trì Tam Bảo, đầu cuối không hai chỉ vì trong thời mạt Pháp, Phạm tăng tuy không đúng như Pháp, nhưng chọn người lành mà độ họ thì tự nhiên chiêu cảm phước báo tốt đẹp!” Vua nghe thế, buồn thương gào khóc, ban sắc các hàng vương công trở xuống đều đến kính điếu. Và Vua bãi triều ba ngày, tặng vật năm trăm món, thiết trai cúng dường ngàn vị tăng.

Ngày trước, lúc Sư đang khoẻ mạnh, bảo với môn nhân, đệ tử rằng: “Sau khi ta qua đời thì bố thí thân ta cho các loài cầm thú, xương cốt còn lại thì y theo pháp mà thiêu đốt tung vãi, không nên giữ lại cốt tàn khiến nhọc công người trông coi gìn giữ!” Sư có các đệ tử như Samôn Đồng Chân, Hồng Nghĩa, Thông U, Giác Lãng, Đạo Tấn, Huyền Uyển, Pháp Thường, v.v.. là những bậc một đời lưu danh. Và các Văn Võ Chức liêu như Đẳng Vương, v.v.. tất cả đều trùm tóc, đi chân không mà đưa tang đến nơi rừng. Khi đã đến, Vua lại ban sắc cử hành lễ thiêu tại Chung Nam, thiết trai cúng dường ba ngàn vị tăng. Sau khi lễ trai tăng hoàn mãn thì cử hành lễ thiêu. Khi đó, sắc trời trong sáng không mây mà rưới mưa nhỏ, tượng trạng như lúc xưa kia trà-tỳ Đức Như Lai, đại chúng lấy làm lạ ngợi khen được điều chưa từng có.

Lại nữa, Tùy Văn Học Lã thức Đĩnh rất buồn thương, lập Bia nêu bày cảnh hạnh của Sư, vẫn như ở biệt tập. Sư thường lấy nguyện sinh Tây phương làm việc chánh, giữa khoảng thời gian nói nín, Sư trụ trong tướng không đối đời. Thị giả hầu trông thấy Sư như ở trong định sâu. Lúc Sư mới thị tịch, ở cạnh chùa có Nhâm Kim Bảo, cả cha con nghe tin mà đến, nói rằng: “Thấy giữa hư không, phước lọng sắp bày trước Kim quan hai hàng mà dẫn từ phía nam chùa Diên Hưng đi đến phía Tây núi.” Đó cũng là u minh hợp tán, xét chẳng luống nghĩ. Từ khi Sư mới đến với Đạo, thế lực gồm cả quyền hành, mà giúp cho tự sống, khắc niệm thành tri, thấu suốt các học thuật, hành động vật tình, nên làm thầy tâm của bảy chúng, đâu chỉ bó buộc thân thêm kính. Đến lúc nghe Sư thị tịch, không ai chẳng rơi nước mắt, mỗi người tự soạn bài minh đến viếng điếu, tán dương nghiệp lớn.

Bấy giờ, Nội Sư Tiết Đạo Hành dâng đọc lời điếu rằng: “Phá y, Sư Diên Xả tục từ tuổi trẻ, cao dẫn ngoài trần, chí độ rộng lớn. Lý thức tinh ngộ, Thần ở linh đài có thể kính ngưỡng mà không thể nhìn. Biển

Pháp nguồn trí, có thể lợi qua mà không thể lường biết. Đồng như chiếc gương sáng lớn soi chẳng nhọc mệt. Ví như Hồng chung kia có lại ứng kia. Xưa gặp lúc Đạo mất, duyên huyền rơi rụng, Sư ẩn chí nơi non cao, bền bỉ chẳng thể cất nhắc. Lúc ở vị Cao Lễ hậu, cũng chẳng thể chuyển xoay mỗi nghĩ suy. Trang nghiêm núi Pháp, chưa đáng sợ tâm ấy. Kinh hành tĩnh tọa, dấu hiểm nạn cũng chẳng hai, giới đức luật nghi trước sau chỉ một, lúc Thánh hoàng mở vận, tượng pháp phục hưng, cao việt trong hàng tăng chúng, un đúc xứng đầu. Vua tôi rất mực kính trọng, bày tỏ tình nghĩa thầy trò. Tam bảo nhờ đó được mở mang. Nhị Đế nhờ vậy mà tuyên dương. Tin tưởng đủ để tìm theo dấu vết của các Ngài Trừng Quán, La-thập, Siêu Công, Mai Công, Đạo An, Tuệ Viễn. Không để ý cột trụ Pháp bỗng nhiên nghiêng đổ, thuyền nhân từ chìm đắm xa. Chẳng là buồn thẳng buộc ràng bốn bộ, hẳn cũng chưa xót cảm ở một người. Các ngài chống tích, ôm bình bát tiếp thừa đạo phong dạy răn dẫn dắt, lên giảng đường vào thiền thất cụ thể nhiệm mầu, ở tại ba tỉnh, lý trăm thường động!” Sư thị tịch, vì sao các bậc Hiền tài ở đương thời trân kính như vậy?

Sư soạn Niết-bàn nghĩa sơ mười lăm quyển, các Kinh Bảo Tánh, Thắng-man, Nhân Vương, v.v... đều có sở giải nhưng đều có sai khác. Môn nhân Đệ tử Sư tiếp nối làm sáng ngời tông Phong, đầy đủ như ở biệt truyện.

14/- Truyện ngài Thích Tuệ Viễn trụ chùa Tịnh ảnh ở Kinh đô.

Thích Tuệ Viễn, họ Lý, người xứ Đôn Hoàng. Sau, dời đến ở Cao Đô thuộc Thượng Đãng. Sư bẩm tánh rộng sáng, nghi chỉ xung hòa. Khí cục phong độ thông thái đơn giản, sùng tín cao xa. Sư chịu tang cha từ thưở bé, nên cùng sống ở với người chú, riêng được dẫn dụ chỉ bày cho nhân hiếu. Năm ba tuổi tâm khởi ý niệm ưa thích xuất gia. Mỗi khi trông thấy các vị Sa-môn thì Sư mến trọng sùng kính, bảy tuổi ở trường học, công Sư thường vượt cả trăm, Thần chí cao rộng, sự thấy biết xứng với trí sáng.

Năm mười ba tuổi, Sư già từ người chú, sang trụ chùa Cổ Hiền Cốc ở Sơn Đông; thuộc Trạch Châu. Bấy giờ, có Sa-môn Thiên sư Hoa Âm, Tăng Tư trông thấy Sư bèn độ cho. Ngài Tăng Tư hạnh nguyện cao vượt trong đời, mọi người đều tôn sùng kính ngưỡng, Ngài nói với Sư rằng: “Ông có tướng xuất gia, hãy khéo tự vui mừng!” Ban đầu, bảo Sư tụng kinh, tùy việc dạy răn. Sư siêng năng ngày đêm đủ sáu thời, khỏi phải nhọc công kêu khuyên. Đến lúc gặp bạo ngược không yên, Ngài

Tăng Tư dẫn Sư theo hướng nam, đi đến Đan Cốc ở Bắc Sơn, Sư thường hỏi thầy về Đại nghĩa trong kinh, đều là những điều huyền ẩn. Ngài Tăng Tư biết lớn lên, Sư sẽ thành pháp khí.

Năm ngài mười sáu tuổi, thầy Sư bèn bảo ngài theo A-xà-lê Luật sư Trạm đi đến đất Nghiệp. Các kinh luận Đại tiểu, Sư đều thông hiểu, Sư tuy nghe điều sâu mầu bí ẩn, đặc biệt khác thường nhưng Sư riêng trọng về Đại thừa, lấy làm gốc Đạo. Năm đủ tuổi, Sư tấn đàn thọ giới cụ túc, lại nương ngài Thượng Thống làm Hòa-thượng. Ngài Thuận Đô làm A-xà-lê. Luật Sư Quang và mười vị Đại đệ tử làm Tôn chứng giới đàn. Bảy giờ là rất tiếng tăm vinh hạnh. Sư lại đến chỗ luật sư Đại Ẩn nghe giảng luật Tứ Phần. Lưu ly thỉnh Sư chỉ dạy năm mùa Hạ tịch đoan, lựa chọn tinh thô, sai phân dấu vết. Diệt tránh, Kiên-độ, trước sau lẫn lộn, từ xưa tương truyền chẳng hiểu xuất xứ, Sư bèn phân tích ước đoán, xếp đặt đơn phức, soi gốc đầu cuối, ngay nơi phân tích liền lia, đều lý hội văn hợp, hiện nay đang lưu hành trì tụng. Sau cùng, Sư chuyên bắt chước ngài Thượng Thống, liên tiếp dốc lòng suốt bảy năm, nên thấu suốt được chí lý, sáng bật cả sâu mầu. Học chúng mang vắc hòm rương cùng tuyên dương phô bày đạo, giảng ngộ nối nhau chẳng lược thứ còn lại, hạng gọi mình trong Đạo thành khí, lượng chẳng thể tính hết. Sư bèn dẫn dắt đồ chúng Đồng bạn trở lại chùa Thanh Hóa ở Cao Đô. Chúng nương nhau mừng vui khen ngợi điều chưa từng nghe, đều tự xuất ra vàng lụa vì đó mà dựng hội, giảng đường chùa chiền cùng một lúc được dựng xây rộng lớn. Các Hàng Sĩ thứ khắp vùng Hàn Ngụy đều cùng vinh hạnh.

Đến mùa xuân niên hiệu Thừa Quang thứ hai (năm trăm bảy mươi tám)- thời Bắc Tề (tương đương với niên hiệu Tuyên Chính thứ nhất thời Bắc Chu), Vua Võ Đế (Võ Văn Ung) nhà Bắc Chu hàng phục nhà (Bắc) Tề, thực hành phế bỏ Phật giáo Đạo giáo, ban sắc các vị Đại đức tu hành từ trước đều nhóm họp vào điện. Vua Võ Đế tự lên tòa cao, theo thứ lớp lập nghĩa Phế giáo, mạng chương rằng: “Trăm vâng mạng trời, nuôi dưỡng triệu dân, nhưng ở đời mở mang Tam giáo, phong hóa đó càng xa, xét định về chí lý thì phần nhiều đều lỗi với hóa tục. Nay phải phế bỏ, nhưng với sáu Kinh Nho giáo văn rộng trị thuật, lễ nghĩa trung hiếu ở đời rất cần có nên phải giữ gìn. Vả lại, tự chân Phật không có tượng, thái hư xa kính biểu lộ ở tâm. Kinh Phật rộng khen ngợi mà có tháp báu trang nghiêm rực rỡ, tạo dựng như thế để mong cầu phước báo, đó thật là vô tình, sao có thể ân tuệ. Dân ngu kính ngưỡng tin tưởng dốc hết của cải vật báu xây dựng chùa tháp. Đã không dẫn hao phí, chẳng

đủ để lưu giữ nên tất cả các thứ kinh tượng thủy đều đập phá. Cha mẹ ân đức sâu nặng mà Sa-môn chẳng kính thờ, rất lắm bội nghịch, phép nước đâu thể dung tha, nên đều phải hoàn tục để tôn sùng hiếu kính từ đầu, ý trăm như thế. Các Đại đức cho lý ấy thế nào?”

Bấy giờ, các Sa-môn Đại Thống, Pháp Thượng, v.v.. có hơn năm trăm vị đều cho rằng vua Võ Đế dùng vương quyền, đâu có can ngăn ắt cũng không nghe theo, nên tất cả đều im lặng. Vua lại ban sắc luôn thúc giục đáp chiếu, cùng đọc xem thủy đều thất sắc, không một người nào đáp. Sư nhìn lại nhờ cậy vào Phật Pháp, tựa nương ở bốn chúng, đâu thể dùng lời bít lấp mà cho là lý phục, bèn bước ra giữa chúng đáp rằng: “Bệ hạ là bậc thống quản địa vực lớn, được một ở ngôi vị tôn quý, tùy hóa tục mà đặt để văn từ hiến chương cho cả Tam giáo. Sắc chiếu bảo rằng: “Chân Phật không có tượng” tin như là yếu chỉ thật. Nhưng vì tai mắt của sinh linh phải nhờ kính mà nghe Phật, nhờ tượng mà bày chân thật. Nếu phế bỏ hết cả thì không lấy gì để dựng lập kính tin.” Vua Võ Đế bảo: “Hư không là chân Phật, mọi người đều tự biết. Không cần phải nhờ kính tượng”. Sư nói: “Từ thời vua Minh Đế (Lưu Trang năm mười tám-bảy mươi sáu) thời Hậu Hán về trước, khi đó kinh tượng chưa truyền đến, chúng sinh ở tại cõi nước này (Trung Hoa) cố sao không biết hư không là chân Phật?” Khi đó, Vua Võ Đế không đáp được. Sư nói tiếp: “Nếu chẳng nhờ kính giáo mà tự biết có Pháp, tại sao từ thời Tam Hoàng về trước chưa có văn tự, mọi người đáng lẽ phải tự biết các Pháp Ngũ thường, v.v... mọi người thời đó cố sao chỉ biết mẹ mình mà không biết cha mình, đồng như cầm thú?” Vua Võ Đế cũng không đáp được. Sư lại nói tiếp: “Nếu cho là hình tượng không có tình thức, phụng thờ đó chẳng có phước nên phải phá bỏ, vậy Tôn tượng của bảy triều đại của nước nhà đâu phải là tượng có tình thức mà lòng chúng ta tôn kính phụng thờ?” Vua Võ Đế không thể đáp những lời hỏi vặn ấy của Sư, bèn bảo rằng: “Kinh Phật là pháp của nước ngoài, ở nước này không cần nên phế bỏ chẳng dùng. Còn chỗ lập thờ tôn tượng bảy triều đại trước, đối với trăm cũng chẳng cho là đúng, nên cũng đồng phế bỏ!” Sư nói: “Nếu bảo kinh Phật là Pháp của nước ngoài, ở nước này không cần dùng thì các điều Trọng Ni nói ra đều phát xuất từ nước Lỗ, đất của nhà Tần, nhà Tấn lẽ ra cũng nên phế bỏ chẳng hành hóa. Lại cho rằng bảy triều đại trước là sai, cũng muốn phế bỏ, vậy tức là chẳng tôn kính cha ông, cha ông đã không tôn kính thì Chiêu Vương, Mục Vương mất hết thứ lớp, Chiêu Vương, Mục Vương đã mất thứ lớp thì Ngũ kinh không dùng. Trước nói Nho Giáo nên giữ lại, nghĩa đó ở đâu? Nếu vậy

thì Tam giáo đều phế bỏ thì lấy gì để trị nước?” Vua Võ Đế nói: “Nước Lỗ cùng với Tần, Tấn chỉ đổi vực mới khác, chẳng phải không do một vị vua cảm hóa, nên chẳng cùng loại như Kinh Phật. Còn cái khó của bảy triều đại, Đế (Vua) không cho là chung. Sư nói: “Nếu cho rằng Tần, Lỗ đồng vâng theo một cảm hóa, nên kinh giáo thông hành. Vậy thì Chấn Đán (Trung Hoa) cùng Thiên-trúc, ranh giới cõi nước tuy khác, nhưng không phải chẳng đồng ở Diêm-phù-đề, ở trong bốn biển, do một Luân vương cảm hóa, sao chẳng đồng vâng theo Kinh Phật, mà khiến riêng phế bỏ?” Vua Võ Đế lại không đáp được. Sư lại hỏi tiếp: “Trong chiếu có nói: “Chư Tăng hoàn tục để tôn sùng hiếu dưỡng”. Vậy trong Khổng kinh cũng nói “Lập thân hành đạo để làm hiển vinh cha mẹ tức là hiếu hạnh.” thì sao phải hoàn tục mới là Hiếu?” Vua Võ Đế nói: “Mẹ cha ân nặng, thay nhau nuôi dưỡng, bỏ gần hưởng xa, không thành chí hiếu”. Sư nói: “Nếu nói như vậy thì mọi người chung quanh Bệ hạ đều có cha mẹ, cớ sao chẳng buông thả họ, mà buộc phải làm việc lâu dài tới năm năm để họ không được trông thấy mẹ cha?” Vua Võ Đế nói: “Trẫm cũng có điều xét ấy, nên trên dưới đều được trở về hầu phụng”. Sư nói: “Phật cũng chấp thuận cho chư Tăng mùa Đông, mùa Hạ tùy duyên tu đạo, mùa xuân mùa thu trở về nhà hầu dưỡng. Nên Tôn giả Mục-kiền-liên đi khát thực đem cơm dâng mẹ, Đức Như Lai trở về kê vai khiêng vác quan tài lúc vua cha qua đời. Lúc đó rất đồng, không thể riêng phá hủy Phật giáo.” Vua Võ Đế cũng không đáp lời nào. Ngài khảng giọng mà bảo rằng: “Bệ Hạ nay cậy quyền vương lực, tự do phá diệt Tam Bảo, đó là người tà kiến, địa ngục A-tỳ không phân biệt người sang kẻ hèn. Bệ hạ làm sao chẳng sợ ư?” Vua Võ Đế bỗng đứng đổi sắc mặt rất tức giận, chăm chăm nhìn thẳng mặt Sư, bảo rằng: “Ta chỉ khiến cho trăm họ được vui, còn ta đây không từ các khổ địa ngục”. Sư nói: “Bệ hạ đem tà Pháp chỉ dạy cho người, hiện tại gieo nghiệp khổ, sẽ cùng Bệ hạ đồng đọa địa ngục A-tỳ, nơi nào có vui để được?” Vua cũng không đáp được chỉ bảo rằng: “Chư Tăng hãy trở về, hôm sau nhóm họp lại, hữu ty hãy ghi lấy họ tên vị tăng vừa biện luận.”

Đương lúc đó là nước Tề vừa mới mất, binh lính của Bắc Chu dường như sấm chớp, trông thấy Sư chống lại sắc chiếu của vua, không ai chẳng đổ mồ hôi, đều cho là Sư ắt bị phân thệt chẻ xương, dùng đảnh vạc để nấu, nhưng thần khí Sư vẫn cao vợi, ngôn từ thần sắc không nhiều động, các Pháp Sư Thượng Thống, Đàm Diễn, v.v.. nắm tay Sư, khóc mà cảm tạ rằng: “Oai quyền của Thiên tử như rồng lửa, khó bề xúc phạm, ông có khả năng tận cùng như thế. Theo trong Đại kinh gọi

đó là “Bồ-tát Hộ Pháp” nên phải như vậy. Người ấy không sửa đổi, ấy chẳng phải lỗi của ông!” Sư bảo: “Chánh lý phải nêu bày, đâu chỉ đoái hoài thân mạng này!” Lúc từ biệt các Đại đức, Sư nói: “Thời vận như thế, Thánh cũng chẳng thể sai khiến sửa đổi. Chỉ lo là không được phụng hầu dưới mắt, đó là nỗi lo buồn lớn, pháp chẳng thể diệt. Các Đại đức cần phải hiểu, mong chờ lấy làm buồn!” Sư bèn ngẫm đến trụ núi phía Tây Quận cấp, siêng năng hành đạo không nhọc mệt, trong thời gian ba năm, Sư trì tụng các kinh Pháp Hoa, Duy-ma, v.v.. mỗi bộ một ngàn biến, dùng thông cả di pháp. Đã là nương giá núi hang, uống thiên tưng không cạn, hang lý càng sâu, phao nổi chẳng xả bỏ.

Đến niên hiệu Đại Tượng thứ hai (năm trăm tám mươi) thời Bắc Chu, vua Tĩnh Đế (Võ Văn Diễn) hỏi khai mở Phật hoá, Đông Kinh và Tây Kinh, mỗi nơi đều xây dựng chùa lớn Trắc Cô, đặt Bồ-tát tăng, ban cáo Tiên Đức, chiếu lệnh an trí. Từ đó, Sư thường giảng tại chùa Thiếu Lâm. Đến lúc nhà Tùy lên ngôi, mở mang thời vận, đầu niên hiệu Khai Hoàng (năm trăm tám mươi một) đời Tùy, nhờ dự lạc thái, các vị tuổi già cùng đến quanh Lạc Ấp. Pháp môn mới khai, mà xa gần đua nhau tìm về. Trông khí thành bến bờ, chợt thành chợ Học. Do đó, tiếng tăm Sư vang vọng đến triều đình. Vua Văn Đế (Dương Khiêm năm trăm tám mươi một-sáu trăm lẻ năm) nghe thế bèn ban sắc trao Sư nhậm chức Lạc Châu Sa-môn Đô, để giúp gánh vác Phật Pháp, Sư từ chối mà không được, nên phải nhận ngôi ấy.

Ngài lập tánh chân chất thẳng thắn, vinh nhục tùy duyên, chẳng thể dùng oai quyền mà Sư khiếp sợ, không thể vì lợi mà Sư nhiễm ô, khí thẳng hùng cao. Đạo phong nghiêm túc, kính mến điều nhu, chẳng dung kẻ phi lạm. Còn như xử trị phạm pháp, chẳng kiêng nề cường quyền. Với điều giảng dạy dẫn dắt đều toan liệu theo Đạo Cụ. Hoặc đặt để cấp giúp có thiếu, hoặc chẳng lượt nước hộ tịch, hoặc khát thực trái phép, hoặc oai nghi thất thường, đều chẳng được dự vào thính chúng. Ngoài ra, như ngủ nghỉ trái thời, hoặc sau đến Pháp tịch, đều y theo thể thức của chúng, có phạt không tha. Nên Đồ chúng Đồng bạn nghiêm túc, oai nghi dễ mến.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ năm (năm trăm tám mươi lăm) đời Tùy, vì Thứ Sử Trạch Châu là Thiên Kim Công thỉnh Sư đến Bồn Hương. Đó là Tượng Pháp trở lại mở mang, Tang Tử lại nhóm họp. Xa gần đều mừng vui, chẳng cần gì thêm. Mùa xuân niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (năm trăm tám mươi bảy) đời Tùy, Sư sang Định Châu, đường đi từ Thượng Đẳng, lưu ở lại giảng mùa Hạ, bèn quyết truyền

về hướng Đông. Bỗng nhiên Vua Văn Đế ban gởi ấn thư, ân cần mời thỉnh. Sư cố khước từ mà không được, nên phải đến Tây kinh. Khi đó, vua ban sắc mời sáu vị Đại đức, trong đó có Sư, cùng các học sĩ thường tùy hơn hai trăm vị, mở đại Đệ thất, đích thân đến Ngự diên mở bày Thánh hóa, thông suốt khắp nước nhà. Vua rất vui lòng ban sắc cho Sư trụ chùa Hưng Thiện, nhọc hởi phong hoa, cúng sự lớn bội. Lại vì tại chùa Hưng Thiện nhóm tập đông đảo, Pháp hội rất nhiều, tuy có mở mang giáo hóa nhưng đều là sự ước. Sư bèn chọn bên phải đường lớn của phía nam Thiên môn, là nơi đường thông suốt cả Đông, Tây, người đến nghe giảng chẳng nhọc mệt, nhân đó mà xây ngôi chùa lấy tên là Tịnh Cảnh. Sư thường ở đó giảng nói, mở giảng huyền áo, biện xướng như dòng chảy, nhả nập sâu xa, tuyên đàm hết vương mặc. Khi đó, khắp bốn phương tìm đến học có hơn bảy trăm vị, đều là những người tài giỏi khắp trong nước. Vết trước của bánh xe Pháp trông tới kinh đô, hướng đến chùa làm Pháp đạo tràng. Chỉ vì phòng nhà chưa được hoàn thành, đều lộ bày giữa chỗ trống, dùng cỏ v.v... làm am xá, chia ra ngổ châu bộ, ngày đêm tổ tập thành khí tìm nhau. Tuy là các bậc tài đức anh danh một thời. Còn như những vị về học thầy, tìm xa ngàn dặm kế tiếp, thì chẳng ai cao xa hơn Sư.

Thân hình Sư cao tám thước năm tấc, mắt dài ba tấc, eo có chín vòng, quần mười ba bức làm thường phục. Sư lên Pháp tòa, âm thanh vang dội như sấm động loài sâu cũng kinh hãi, thật đáng thích ý cho mọi người trông nhìn. Đó là sự hưng thịnh. Đến mùa xuân niên hiệu Khai Hoàng thứ mười hai (năm trăm chín mươi hai) Vua Văn Đế ban sắc cho Sư trông coi việc phiên dịch, sau định từ nghỉ. Sư tịch trong năm đó tại chùa Tịnh Ảnh, thọ bảy mươi tuổi. Vua Văn Đế buồn cảm vì thế mà bãi triều. Vua khóc than “nước mất hai vật báu”. Vì lúc đó, Sư cùng Lý Đức Lâm đồng qua đời trong một tháng, nên động đến lòng vua như vậy.

Từ lúc Sư búi tóc tìm thầy, vốn âm thầm muốn truyền trao. Trãi qua hai đời vua thời Bắc Chu, Sư hoằng hóa khắp tám phương. Soạn sơ thuộc từ, giải thích đầu cuối, thừa tập khai ngộ, trải sánh như bụi liên tiếp, đồng với khuôn phép trong triều đại ở đương thời, được xưng phương giá. Ban đầu, Sư bị bệnh mấy ngày. Đòn dong giữa giảng đường vô cố tự gãy, quay nhìn lại thấy gió thổi mạnh, biết hẳn bệnh không bớt. Đến ngày thị tịch, Sư an nhiên ngồi thẳng chánh niệm, tướng như đang nhập định. Vị thị giả không biết Sư tịch, bỗng nhiên nghe trong phòng có mùi thơm lạ, đều sinh nghi ngờ, bèn dùng vải để thử, mới biết Sư đã tắt hơi!

Xưa kia, lúc ở tại Thanh Hoá, Sư có nuôi một con ngỗng chuyên nghe giảng Pháp, từng trải qua mưa nắng. Sau khi Sư vào ải, con ngỗng đó ở lại tại bốn tự, ở ngoài hàng hiên, đêm ngày kêu nghe buồn. Tăng chúng lo ngại, bèn đem nó đến kinh đô, tới cổng lớn chùa Tịnh Ảnh mà thả. Nó liền cất tiếng kêu mừng hớn hở tìm vào trong phòng Sư. Từ đó về sau, nó ý như trước thuần nghe giảng pháp. Chỉ nghe tiếng chuông báo nhóm chúng, bất kể sớm tối, đáp giảng dựng nghĩa, nó đều vào trong giảng đường nằm nghe, Tăng chúng phạm tán ra cửa, nó liền bay liệng và kêu, nếu gặp ngày hắc bạch (mười bốn-ba mươi) chư Tăng Bố-tát, tuy nghe tiếng chuông nhóm chúng nhưng nó không hề vào nghe. Mọi người đương thời lấy làm lạ. Nếu Sư đi đường xa giảng giải, nó nường theo pháp thẩm nghe. Giữa chừng nghe đã đủ hoặc nói thừa, nó liền bay liệng kêu mà chạy ra. Cứ như thế trải qua sáu năm, nó vui thích nghe giảng pháp không thiếu một thời. Sau, bỗng nhiên nó kêu buồn nơi sân viện chẳng chịu vào phòng. Từ đó về sau khoảng hai tuần thì Sư thị tịch. Lúc đó nhằm ngày hai mươi bốn tháng sáu niên hiệu Khai Hoàng thứ mười hai (năm trăm chín mươi hai) đời Tùy, Sư thọ bảy mươi tuổi, năm mươi hạ lạc.

Lại nữa, trong ngày Sư thị tịch, tại Bốn tự ở Trạch châu, các cột trụ nơi giảng đường và bốn chân cửa tòa cao đồng một lúc bị lún, mọi người bàn với nhau cho đó là cảm thông u hiển. Cả hai chùa cùng lập bia. Tiết Đạo Hành soạn văn bia, Ngô Thế Cơ viết, và Đinh thị khắc văn. Thời bấy giờ gọi là Tam Tuyệt.

Ban đầu, Sư nghe khắp kinh giáo Đại thừa có chừng sáu, bảy năm, thấu suốt nghĩa sâu, thần giải lại mới. Sư thường ở tại kinh đô Kiến Ng-hiệp, nhóm họp lập nghĩa vấn nạn, mà ít người đối địch, do đó nên tiếng tăm vang khắp xa gần. Dị luận đã sợ kính, thế mà Sư siêng năng hạnh nghiệp sớm tối dụng tâm rất tha thiết nên bị bệnh lao. Trong mười lăm năm này, ngài Giác Quán nối nhau, không hề ngủ nghỉ, khí xông lên, tim đau nhói như dao cắt, ăn uống sơ sài, thân hình gầy suy, gần như muốn chết. Sư nhớ xưa kia Lâm Bị đi khắp các Danh sơn, thấy các Thiên phủ, đủ được truyền Pháp, nên bèn học pháp Quán sổ tức, dừng tâm nơi Cảnh. Khắc ý tầm dịch, qua chừng nửa tháng, liền cảm thấy dần đỡ, ít được ngủ nghỉ, mới biết ứng nghiệm tốt lành của việc đối trị.

Nhân mùa Hạ đầu tiên, Sư học tập Pháp Định, rất được tĩnh lạc, thân tâm vui vẻ thư thái, liền hỏi sa-môn Tăng Điều về điều chứng đạt của mình. Ngài Tăng Điều bảo: “Tâm đó trụ trong cảnh giới của lợi căn. Nếu khéo điều nhiếp có thể thực hành Quán hạnh. Thường những lúc

giảng, Sư rất chú trọng đến Định tông, chưa lúc nào không khen ngợi Thiên-ma. Bàn hoàn nhiều câu, tin nghĩ lo tìm câu thì có thể được. Sư tự buồn phải theo việc chúng, không rảnh để định tâm. Do đó nên bị mệt. Đến mùa Hạ thứ bảy, ở tại Nghiệp Đô, Sư bắt đầu giảng Kinh Thập Địa, một lần nêu hỏi, chúng nghiêng về pháp tịch khác. Từ đó Sư luôn chăm ở trường giảng, nhiếp phục thính chúng hơn cả ngàn người. Trong ý Sư còn muốn rộng mở. Hễ giảng kinh nào thì đều có soạn số giải kinh ấy, như: Kinh Địa Trì số, năm quyển, Kinh Thập Địa số, mười quyển, Kinh Hoa Nghiêm số, bảy quyển, Kinh Niết Bàn số, mười quyển. Các Kinh Duy-ma, Thắng-man, Thọ Quán, Ôn Thất, v.v... đều khắc thành quyển bộ, cứ bốn chữ thành một câu, cương mục đủ cả, Văn từ ý chủ rất xác đáng, ít dùng theo lệ thường. Sư lại soạn Đại Thừa Nghĩa Chương mười bốn quyển, hợp cả hai trăm bốn mươi chín khoa, chia thành năm tụ tức là Giáo Pháp; Nghĩa Pháp; Nhiễm; Tịnh và Tạp, đều trình bày gồm cả nghĩa sai. Mới đầu gần, sau cùng xa. Tất cả cương yếu Phật Pháp đều đầy đủ trong đó. Các học giả Định tông không thể không biết.

Từ lúc Sư thông đạt Pháp, tình thú hưởng về Từ tâm đến Văn sâu nghĩa ẩn. Sư thường đình ninh, lại thường nêu lên. Chỉ lo người học thọ nhận chẳng được nhanh chóng, người đọc xem nghe không hết. Ngoài ra, Sư không tiếc một điều gì. Do đó, từ nơi Tề triều cho đến Quan phụ và cả yếu hoang điện ngoại lưu hành chương số của ngài có hơn năm mươi quyển, hơn hai ngàn ba trăm trang giấy. Mỗi trang giấy có chín trăm bốn mươi lăm chữ. Suốt thời gian bốn mươi năm, Sư không hề ốm sưỡi. Truyền trì giáo đạo là ở hoàng tuyên, đồng thời thành tụng ở tâm, đến nay vẫn chưa bắt dứt, vốn ở tại Thanh Hóa Tổ tập Kinh Niết-bàn. Chúng Tăng trong chùa có hơn trăm vị, ba mươi vị lãnh chúng đều là những vị đứng đầu của thời Đại (Tiền) Đường. Sư mạnh mẽ đối với Pháp nghĩa, từ tâm chăm độ sinh, giới thừa chẳng ràng buộc, thực hành cứu vớt mọi loài chìm đắm. Các thứ lợi dưỡng có được, Sư đều cúng dường học chúng. Ngoài Pháp y, bình bát ra, Sư không tiếc giữ một vật gì.

Khi Sư soạn số Kinh Địa Trì xong, mộng thấy lên đỉnh núi Tu-di, nhìn khắp bốn phía chỉ thấy nước biển, lại thấy pho tượng một đấng Phật thân màu vàng tím ở dưới cây báu, nằm đầu xoay về hướng Bắc, hình thể không một mảy bụi. Ban đầu thì Sư lễ kính, sau lại dùng y mà phất, khắp cùng sáng sạch. Đến lúc tỉnh giấc, Sư bèn cho là Văn số do Sư soạn rất có lợi ích về thuận hóa, nên vì đó mà phô bày. Sư lại tự nói rằng: “Ban đầu, lúc soạn số Kinh Niết-bàn mới xong, chưa dám y cứ

vào đó để giảng. Sư phát nguyện cầu xin điềm lành. Bỗng mộng thấy tự tay Sư tạo tượng bảy Đức Phật, tám vị Bồ-tát, thân hình đều khôi ngô cao vợi, Sư tự họa vẽ điềm tô. Họa vẽ đã xong thì các pho tượng đều lần lượt khởi hành. Tôn tượng sau cùng họa vẽ sắp xong, bên cạnh có người đi lại tìm bút thay thế Sư để làm cho hoàn thành. Sau khi tỉnh giấc, Sư suy nghĩ rằng: “Tượng này có lưu lại cảnh của thời mạt thế!” Sư bèn khai giảng rộng pho bày như trong giấc mộng.

Lại, trước khi thị tịch mười một năm, Sư mộng thấy cây tre dài lớn tại chùa Tịnh Ảnh tự nhiên bị đổ, đèn sáng tự tắt mất. Đến ngày tháng, Sư bèn sai hai đứa trẻ tịnh nhân, tay buông sự tốt lành, phân xử các vật đều làm công đức. Lại bảo với thời gian của hai thời giảng trước đại chúng nên trì tụng Chú Bát-nhã Ba-la-mật, hạn định năm mươi biến trong một thời, để báo đáp bốn ân, ban đầu giữa chẳng được biếng trễ. Lại thương học chúng không đủ sức đứng khóa. Thường nhân những ngày giảng, nghĩa chánh như thế, trong khoảnh khắc không nghe. Các vị thức giả cho là Sư đã thấu đạt tức mạng. Và lúc cảm thấy nhẹ bớt, ở phía ngoài phòng, Sư dùng nước thơm ấm để tắm gội. Và ngủ tại phía ngoài đến sáng sớm mới vào phòng, ăn cháo, nằm tựa giường. Sư hỏi “bây giờ là mấy giờ?”. Đáp: “Lúc này khoảng giờ mao”. Sư bảo: “Nay tôi cảm thấy khí lạnh đến rớn, cách sự chết còn chừng hai, ba tấc, hãy bỏ giường tựa đi.” Sư tự bắt lấy chân mình ngồi ngay thẳng, giữ mắt, không cho nâng đỡ. Chưa nói là tịch, nhưng xem xét, mới biết là Sư tịch, mùi hương thơm như chiên đàn, lâu sau mới tan hết. Sau, Sư mới nằm xuống, tay chân mềm mại, thân phần đều lạnh, chỉ còn ấm trên đỉnh đầu.

Có Sa-môn Trí Mãnh là người biết đoán tướng, lại hiểu giáo pháp, thường được mời đến, nên có làm sơ về hành trạng. Phỏng theo sự tiếp thừa của người Học. Và Ngài (Trí Mãnh) giảng nói có riêng cơ hội tốt đẹp. Tiếng tăm vang vọng khắp Đông Hạ.